

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



VÕ THỊ CẨM VÂN

**SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ
NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG
(1997 -2007)**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ
CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM**

MÃ SỐ: 60.22.54

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. HUỖNH NGỌC ĐÁNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2008

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai
công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Võ Thị Cẩm Vân

MỤC LỤC

• PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu đề tài.....	3
3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu.....	7
6. Những đóng góp của luận văn.....	9
7. Kết cấu của luận văn.....	10

• PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I

TÌNH HÌNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRƯỚC NĂM 1997

I. Đặc điểm kinh tế - xã hội Bình Dương.....	12
II. Tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp Sông Bé- Bình Dương trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1996).....	18
1. Đường lối đổi mới của Đảng về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (1986-1996).....	18
2. Bình Dương năng động vận dụng đường lối đổi mới, bước đầu thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh (1986-1996)..	26
2.1. Sự vận dụng đường lối đổi mới của Đảng về quá trình chuyển	

dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương (1986-1996).....	26
2.2. Kết quả vận dụng đường lối đổi mới của Đảng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương.(1986-1996).....	34

CHƯƠNG II

QUÁ TRÌNH CHUYỂN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG TỪ 1997-2007.

I- Giai đoạn từ 1997- 2001:	39
1. Đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. (1997 -2001).....	39
2. Tỉnh Bình Dương vận dụng đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương (1997-2001).....	44
3. Nông nghiệp Bình Dương bước đầu chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa.....	48
II. Giai đoạn từ 2001 -2007	57
1. Chủ trương mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.....	57
2. Sự vận dụng chủ trương đường lối mới về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở Bình Dương (2001-2007).....	61
3. Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Bình Dương (2001-2007).....	67
III. Nhận xét về những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương những năm 1997 - 2007	75

A. Những thành tựu chủ yếu.....	75
B. Những hạn chế chính.....	88
C. Một số kinh nghiệm lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn của Bình Dương (1997-2007).....	94
• PHẦN KẾT LUẬN	102

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam đang phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Vì thế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá (CNH-HĐH) nông nghiệp, luôn là nhiệm vụ được Đảng, nhà nước ta đặc biệt quan tâm và đã dành nhiều công sức, trí tuệ để lãnh đạo và chỉ đạo. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng về phát triển sản xuất nông nghiệp đã khơi dậy nguồn động lực to lớn của nông dân và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, liên tục, với tốc độ cao; đã tạo được ba mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo, cà phê (đứng thứ 2 thế giới). Đời sống đại bộ phận nông dân được cải thiện. Những thành tựu đó góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng của nông nghiệp ở nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong việc thực hiện đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp, vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết: mô hình quản lý hợp tác xã nông nghiệp, CNH, HĐH nông nghiệp, vấn đề giải quyết chính sách xã hội ở nông thôn, chính sách khuyến khích nông nghiệp, chính sách đất đai, cơ chế quản lý, nhiều nguồn lực chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả... Đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng và nhà nước cần tiếp tục phát triển, hoàn chỉnh...Đảng đã tiến hành tổng kết thực tiễn 20 năm đường lối đổi mới đất nước, trong đó có đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp, rút ra những bài học thành công và những vấn đề còn yếu kém trong việc thực hiện đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp,

làm căn cứ cho những chủ trương, giải pháp phát triển nông nghiệp đã được thông qua trong Đại hội X (4-2006).

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (gồm thành phố Hồ Chí Minh-Bình Dương - Đồng Nai -Bà Rịa-Vũng Tàu), với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các trục giao thông quan trọng của quốc gia, Bình Dương có diện tích tự nhiên khá lớn, là vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp. Trong những năm vừa qua, nông nghiệp Bình Dương đã có sự phát triển toàn diện. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Đời sống, vật chất và tinh thần của nông dân không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên kinh tế nông nghiệp của Bình Dương vẫn còn ẩn chứa nhiều bất cập. Điều này không chỉ xảy ra ở Bình Dương mà còn xảy ra ở nhiều địa phương khác trên khắp cả nước. Do đó, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang trở thành là đề tài nghiên cứu khoa học, thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn cho sự phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vì vậy việc nghiên cứu quá trình Bình Dương thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước để phát triển nông nghiệp trong địa bàn Tỉnh từ năm 1997 đến 2007, trở thành là một yêu cầu cấp bách, nhằm lý giải những thành công cũng như hạn chế của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời gian qua, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, góp phần đẩy mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới là việc làm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng. Đó cũng là lý do tác giả luận văn chọn đề tài “**Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương (1997- 2007)**” để viết luận văn Thạc sĩ lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu đề tài.

Nông nghiệp có vị trí quan trọng trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) cũng như trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Chính vì vậy đường lối, chủ trương của Đảng trên mặt trận nông nghiệp được các nhà lý luận, các nhà lãnh đạo quan tâm nghiên cứu. Trên phạm vi cả nước đã có nhiều công trình của các nhà khoa học đề cập đến vấn đề này ở những góc độ khác nhau. Nhìn một cách tổng thể, các công trình nghiên cứu liên quan có thể chia thành những nhóm chủ yếu sau:

- *Nhóm thứ nhất, là sự tổng kết của Đảng Cộng sản Việt Nam, rút ra những kinh nghiệm, đề ra đường lối, chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta. Sự tổng kết đó được phản ánh trong các Văn kiện Đại hội VI, VII, VIII, IX, X và Nghị quyết các Hội nghị BCH TƯ, Hội nghị Bộ Chính trị,... Đây là những đánh giá chính thức của Đảng ta, phản ánh nhận thức lý luận và thực tiễn của Đảng về lãnh đạo nông nghiệp trong quá trình đổi mới.*

- *Nhóm thứ hai, một số công trình nghiên cứu khoa học về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, đã được xuất bản, như Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta của Nguyễn Sinh Cúc, NXB Thống kê, năm 1990. Đây là công trình nghiên cứu đã nêu bật được những thành công và những hạn chế của nông nghiệp nước ta sau khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và những tác động to lớn của nó đối với đời sống của xã hội nông thôn. Nông nghiệp Việt Nam 1945-1995 của PGS.TS Nguyễn Sinh Cúc, NXB Thống kê, Hà Nội, 1995, đã nêu bật những bước "thăng trầm" của nông nghiệp nước ta trước đổi mới và những thành tựu của nông nghiệp trong 10 năm đổi mới, từ đó đề xuất những giải pháp phát triển nông nghiệp nước ta trong những năm tiếp theo. Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn sau Nghị quyết 10*

của Bộ Chính trị do PGS, TS. Lê Đình Thắng (chủ biên), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. Trong cuốn sách này, tác giả phân tích và xác định vị trí và tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn ở nước ta trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ sau Nghị quyết 10, từ đó có những kiến nghị phương hướng, giải pháp để tiếp tục đổi mới, phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta trong thời gian tới. *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn* của Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương, NXB Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội, 2002; *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, của khoa Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, thuộc Trường Đại học Kinh tế quốc dân NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2001...

- *Nhóm thứ ba*: Là những tác phẩm các loại viết về Bình Dương nói chung trong đó có đề cập ít nhiều đến đặc điểm, tiềm năng của nông nghiệp, nông thôn Bình Dương. Đó là: *Sông Bé - Tiềm năng kinh tế, những triển vọng đầu tư và du lịch*”, Ban Kinh tế tỉnh ủy Sông Bé xuất bản; “*Sông Bé - Tiềm năng và phát triển*” do Ủy Ban Kế hoạch Tỉnh Sông Bé xuất bản năm 1995.

Trong nhóm này có thể ghi nhận thêm các tác phẩm khác như: “*Bình Dương - Đất nước – Con người*” và tập kỷ yếu hội thảo khoa học chủ đề “*Thủ Dầu Một – Bình Dương 300 năm hình thành và phát triển*” năm 1998.

Đáng chú ý trong nhóm này, có thể kể đến một số công trình như “*Thủ Dầu Một – Bình Dương đất lành chim đậu*” Vũ Đức Thành (chủ biên) NXB Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh. “*Kinh tế trang trại tỉnh Bình Dương - thực trạng và giải pháp phát triển*” Ban kinh tế Tỉnh ủy Bình Dương – 2000 Trần Văn Lợi chủ biên. Gần đây nhất, tháng 8/2003 ấn phẩm “*Bình Dương - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI*” Chu Viết Luân (chủ biên) NXB, Chính trị quốc gia. Đây là

những ấn phẩm có nội dung phản ánh, lý giải khái quát về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Bình Dương trong thời kỳ đổi mới, trong đó có đề cập ít nhiều đến nông nghiệp Bình Dương. Ngoài ra còn có nhiều bài viết đề cập đến tình hình nông nghiệp Bình Dương như : *Bình Dương một mô hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài* của Nguyễn Sinh Cúc (12-2004) Tạp chí cộng sản (23), trang 56-60 ; *Bình Dương một mô hình về chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội theo hướng công nghiệp hoá* (báo lao động xã hội 2002) số 256 -257.

Gần đây, trong luận án Tiến sĩ đề tài “ *Những chuyển biến kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương từ 1945 – 2005*” Tiến sĩ Nguyễn Văn Hiệp khi xem xét những chuyển biến kinh tế xã hội của Bình Dương đã đề cập một số lĩnh vực có liên quan đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Bình Dương từ năm 1997 – 2007. Những nhận định đó của Luận án đã được luận văn tham khảo, sử dụng chọn lọc.

Qua các danh mục trên đây, có thể thấy tuy Bình Dương đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều cơ quan, nhiều nhà khoa học nghiên cứu, nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình nào đi sâu tái hiện và phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn Bình Dương trong thời gian từ sau khi tỉnh được tái lập (1997 – 2007). Chính vì vậy, tác giả luận văn mong muốn được tập hợp nhiều nguồn tài liệu và kế thừa những kết quả đã có, để tiếp cận và nghiên cứu đề tài “*Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương (1997 -2007)*” một cách hệ thống, toàn diện và đầy đủ hơn, nhằm lý giải những thành công cũng như những hạn chế của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong địa bàn tỉnh Bình Dương, từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm, nhất là những kinh nghiệm trong chuyển dịch cơ

cấu kinh tế nông nghiệp. Đó cũng là lý do để tác giả luận văn chọn đề tài “ *Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương (1997-2007)* làm luận văn thạc sĩ sử học, chuyên ngành lịch sử Việt Nam.

3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

- Góp phần tìm hiểu và hệ thống quá trình vận dụng, sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng trong lĩnh vực nông nghiệp và lãnh đạo quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương, từ năm 1997 đến năm 2007.

- Đánh giá bước đầu về thành tựu và hạn chế của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Bình Dương những năm 1997- 2007.

- Phân tích kết quả sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ năm 1997-2007

- Rút ra những kinh nghiệm trong việc Đảng bộ Bình Dương lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách Đảng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH-HĐH ở địa phương.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**** Đối tượng nghiên cứu của luận văn:***

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Bình Dương, bao gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm, ngư nghiệp, nông dân và nông thôn. Nhưng với một dung lượng vừa phải của một luận văn tác giả chỉ đề cập đến những chủ trương, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến năm 2007.

****Phạm vi nghiên cứu***

- *Về thời gian:* Luận văn nghiên cứu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ năm 1997-2007, qua hai giai đoạn: Giai đoạn:

1997 – 2001. Năm 1997 là thời gian tỉnh Bình Dương được tái lập, 2001 Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ VII. Giai đoạn: 2001 – 2007. Đây là thời kỳ thực hiện chủ trương đường lối của Đảng là đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hoá lớn, năm 2005 Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII, năm 2007 là thời gian tỉnh Bình Dương tổng kết quá trình sau mười một năm tái lập Tỉnh theo chủ trương của Trung ương.

Tuy nhiên để có một cái nhìn tổng thể biện chứng hơn về những bước phát triển của nền kinh tế nông nghiệp của Bình Dương, trong một chừng mực nhất định, luận văn có mở rộng thời gian về trước năm 1997, nhằm khắc hoạ rõ nét hơn về các tiêu đề và bước đi của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ 1997-2007.

- *Về không gian:* Luận văn chọn phạm vi không gian nghiên cứu là địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay. Trong một chừng mực nhất định, luận văn có đề cập đến các vùng thuộc địa bàn tỉnh Sông Bé trước khi tách tỉnh, nhằm làm rõ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Bình Dương trong thời kỳ đó.

5. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu

• Cơ sở lý luận:

Dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về nông nghiệp ở nước ta.

• Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình thực hiện đề tài, phương pháp lịch sử và phương pháp Logic là hai phương pháp chính mà tác giả luôn vận dụng.

Qua kết hợp hai phương pháp này, vấn đề phát triển nông nghiệp ở Bình Dương trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội chung của Tỉnh được xem xét trên các giai đoạn phát triển kế tiếp nhau với những tính chất, trạng thái cụ thể. Nhờ so sánh trạng thái phát triển về chất ở mỗi giai đoạn mà tác giả thấy được những thay đổi nội tại của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo dòng chảy thời gian, từ đó làm rõ được sự phát triển của nó.

Phương pháp Phân tích và Tổng hợp cũng được vận dụng trong đề tài. Qua phân tích để thấy được cái đặc thù, thuận lợi, khó khăn của Tỉnh, những nguyên nhân của mặt được và chưa được của sự phát triển nông nghiệp ở Bình Dương.

Qua tổng hợp để thấy cái toàn cục, sự nổi trội như điểm sáng của Bình Dương về tốc độ tăng trưởng kinh tế- xã hội ở Bình Dương nói chung, về Nông nghiệp nói riêng.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng phương pháp khảo sát thực tế, phương pháp so sánh, thống kê, đánh giá...

• ***Nguồn tư liệu:***

Những tài liệu được sử dụng trong luận văn gồm nhiều nguồn khác nhau:

- Những tác phẩm của Mác - Lênin, Hồ Chí Minh liên quan đến đề tài.

- Các văn kiện của Đảng và Nhà nước từ 1986-2007

- Các văn kiện của Đảng bộ tỉnh Bình Dương 1997-2007

- Báo cáo tổng kết về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và phương hướng nhiệm vụ từ năm 1997 – 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Báo cáo hàng năm của Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn; Báo cáo hàng năm của mặt trận và các đoàn thể.

- Nguồn số liệu thống kê về những chuyển biến kinh tế - xã hội của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương từ 1997 – 2007.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn tiếp cận, lựa chọn, tổng hợp một số tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau có liên quan đến kinh tế xã hội nói chung và kinh tế nông nghiệp Bình Dương nói riêng, để việc nghiên cứu tương đối đầy đủ và có hệ thống sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ khi tái thành lập tỉnh Bình Dương 1997 đến năm 2007. Trên cơ sở đó sẽ lý giải một cách khoa học những thành tựu cũng như những hạn chế của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; đồng thời xác định được vị trí nông nghiệp trong kinh tế-xã hội hiện nay của tỉnh Bình Dương, vị trí nông nghiệp của tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Qua nghiên cứu, luận văn phân tích những mặt thuận lợi, khó khăn của Bình Dương; các nguyên nhân chủ quan, khách quan đưa đến những thành tựu và hạn chế của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nhằm phát huy hơn nữa những tiềm năng và thế mạnh của kinh tế nông nghiệp Bình Dương, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và của Bình Dương nói riêng...

Đó là những đóng góp quan trọng mà luận văn cố gắng để đạt được. Ngoài ra, các nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu lịch sử Bình Dương trong thời kỳ đổi mới và làm tài liệu giảng dạy về lịch sử địa phương.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn có 145 trang, bao gồm: Phần mở đầu (11 trang), hai chương nội dung (108 trang), kết luận (5 trang). Ngoài ra còn có phần tài liệu tham khảo (9 trang) và phụ lục (12 trang).

Chương 1: Tình hình kinh tế nông nghiệp, tỉnh Bình Dương trước năm 1997.

Đây là chương khái quát về các đặc điểm tự nhiên và xã hội của tỉnh Bình Dương, có tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Đồng thời chương này cũng trình bày quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1996). Chính sách đổi mới về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được thể hiện qua Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Sự vận dụng đường lối đổi mới và kết quả quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương trong giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Chương 2: Quá trình chuyển đổi kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến năm 2007.

Đây là nội dung chính của Luận văn, phân kỳ lịch sử chia thành hai giai đoạn

I. –Giai đoạn từ 1997-2001

Mục 1. Trình bày chính sách, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, được thể hiện qua Nghị quyết Đại hội VIII ; Hội nghị Trung ương lần 6 (khoá VIII) Nghị quyết 9/CP Chính phủ...

Mục 2. Trình bày những định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Quá trình tỉnh Bình Dương vận dụng đường lối của Đảng vào thực tiễn ở địa phương được thể hiện qua các kỳ Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ VI; VII.

Mục 3. Trình bày những kết quả bước đầu trong quá trình chuyển dịch kinh tế nông nghiệp của Bình Dương từ 1997-2001

II- Giai đoạn từ 2001-2007.

Mục 1. Trình bày những chủ trương mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp qua Đại hội Đảng IX; X, được thể hiện qua Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) liên quan trực tiếp đến vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới.

Mục 2. Quá trình vận dụng chủ trương mới của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, ở Bình Dương .

Mục 3. Trình bày kết quả quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Bình Dương (2001-2007).

III.- Đặc biệt luận văn dành hẳn phần III để trình bày những thành tựu, hạn chế và những kinh nghiệm lãnh đạo trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương những năm 1997 – 2007. Đây là phần khá quan trọng của luận văn vì đã khái quát toàn bộ quá trình, đặc điểm, thành tựu, hạn chế, những kinh nghiệm thành công và chưa thành công trong quá trình 11 năm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Bình Dương từ 1997 – 2007.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1:

TÌNH HÌNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRƯỚC NĂM 1997

I. Đặc điểm kinh tế - xã hội Bình Dương:

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, được xem là cửa ngõ vào Thành phố Hồ Chí Minh, thông thương giữa trung tâm công nghiệp đô thị lớn với các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên; là trung tâm của các đầu mối giao thông huyết mạch, có khả năng tiếp nhận các cơ sở công nghiệp từ đô thị chuyển ra đồng thời là vành đai cung cấp thực phẩm cho các vùng đô thị. Với vị trí địa lý tự nhiên, Bình Dương có tiềm năng đa dạng và có điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh trên cả 3 lĩnh vực: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Về địa giới hành chính, Bình Dương trong lịch sử đã nhiều lần biến đổi. Sau 1975 tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước là tỉnh Sông Bé, ngày 06/11/1996 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (quyết định của kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX), tách tỉnh Sông Bé thành 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Tỉnh Bình Dương chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1-1-1997. Hiện nay, Tỉnh có 7 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thị xã Thủ Dầu Một và 6 huyện: Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát, Phú Giáo và Dầu Tiếng. Toàn tỉnh

có 89 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 6 phường và 8 thị trấn. Thị xã Thủ Dầu Một - vừa được công nhận là đô thị loại ba – và cũng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh.

Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên là 269.522. ha (chiếm 0,83% diện tích cả nước và xếp thứ 42/61) trong đó đất nông nghiệp 215.482.ha (đất trồng cây lâu năm 174.158 ha, đất trồng cây hàng năm 30.696 ha) đồng cỏ chăn nuôi 299.68 ha, đất lâm nghiệp 12.651 ha, đất chuyên dùng 30.154 ha, đất xây dựng 11.625 ha. Diện tích đất chưa sử dụng chỉ còn 1.11.0 ha [22.tr.44].

Về mặt thổ nhưỡng, do lịch sử cấu tạo địa chất đặc thù và địa hình, khí hậu, đất Bình Dương tương đối phì nhiêu và phong phú về chủng loại:

- Vùng thung lũng bãi bồi, phân bố dọc theo các sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và sông Bé. Đây là vùng đất thấp, phù sa mới, khá phì nhiêu, bằng phẳng

- Vùng địa hình bằng phẳng, nằm kế tiếp sau các vùng thung lũng bãi bồi.

- Vùng địa hình đồi thấp có lượn sóng yếu, nằm trên các nền phù sa cổ, chủ yếu là các đồi thấp với đỉnh bằng phẳng, liên tiếp nhau. Các nhà thổ nhưỡng đã tìm thấy ở Bình Dương 7 loại đất khác nhau, nhưng chủ yếu là đất xám và đất đỏ vàng. Theo kết quả tổng điều tra đất năm 2000 thì hai loại đất này chiếm 76,5% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất xám chiếm 52,5%; đất đỏ vàng chiếm 24,0%. Đây là hai loại đất rất thích hợp với các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, điều, tiêu, cây ăn trái... Chính nhờ điều kiện thổ nhưỡng này mà Bình Dương từ lâu đã nổi tiếng với vườn cây Lái Thiêu, trái rộng trên

diện tích 1.250 ha, thuộc địa bàn bốn xã: An Sơn, An Thạnh, Bình Nhâm và Hưng Định.

Với địa hình cao trung bình từ 6 - 60m, nên chất lượng và cấu trúc đất Bình Dương không chỉ thích hợp với các loại cây trồng mà còn rất thuận lợi đối với việc xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các khu công nghiệp. Địa hình Bình Dương tương đối bằng phẳng, đất đai ít bị lũ lụt, ngập úng, nhìn chung các yếu tố thời tiết vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Hệ thống giao thông của Bình Dương được phân bố đều và thuận tiện. Trên địa bàn tỉnh có trục lộ giao thông huyết mạch của quốc gia như quốc lộ 1A, 13, 14, tuyến đường sắt Bắc Nam và tuyến đường xuyên Á. Các tuyến đường sông gần sông Sài Gòn, Đồng Nai, Thị Tính và Sông Bé, tạo thành mạng lưới giao thông đường thủy thuận tiện. Nguồn cung cấp nước phong phú với trữ lượng hàng triệu mét khối/năm. Hệ thống lưới điện có tổng công suất 275MVA, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

Về khí hậu và thời tiết, Bình Dương mang những đặc trưng điển hình của khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia thành hai mùa rõ rệt: mùa nắng và mùa mưa, không có biến động lớn về thời tiết như bão, lũ lụt... Bình Dương là một trong số ít địa phương có được sự ưu đãi nhiều mặt của tự nhiên, ít ảnh hưởng bất lợi của thời tiết luôn thuận lợi như nhiều vùng, miền khác trong cả nước. Nhìn chung các yếu tố khí hậu, thời tiết luôn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Trên cơ sở thổ nhưỡng, điều kiện thủy văn và các đặc trưng khác về thời tiết, khí hậu, cùng với những kinh nghiệm của nhà nông Bình Dương đều có kết

luận rằng: đất Bình Dương không thích hợp để độc canh cây lúa như các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, vì thế đất dành cho trồng lúa không nhiều, chỉ tập trung vào những vùng đất thấp, bùn, trũng thêm phù sa. Do đó từ khá sớm Bình Dương đã phá bỏ tình trạng độc canh cây lương thực và đi vào sản xuất hàng hoá. Với điều kiện đất đai và khí hậu của vùng miền Đông, sản xuất nông nghiệp ở Bình Dương là sản xuất hàng hoá với các loại cây, con được dùng làm nguyên liệu trong công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Dân số Bình Dương tính đến ngày 31/12/2007 là 1.075.457 người (*số liệu của Cục Thống kê tỉnh*). Mật độ dân số bình quân 399 người/km². Trong những năm qua bức tranh thành phần dân cư và mật độ dân số Bình Dương không ngừng thay đổi. Huyện Tân Uyên, Bến Cát là nơi mật độ dân cư còn thấp nhưng đã và đang hình thành các xí nghiệp, phát triển các vùng lâm trường (cao su, mía, điều, lâm nghiệp...) sẽ tiếp tục thu hút lao động và cư dân đến.

Thị xã Thủ Dầu Một đang đô thị hóa, hình ảnh một thành phố trong tương lai đang hiện lên rõ nét, mật độ dân số đã đông nhưng sẽ tiếp tục tăng hơn nữa (2026 người/km² năm 2007). Vùng Thuận An (2.751/km² năm 2007)- Dĩ An (3.085/km² năm 2007)[23tr.16] vốn có mật độ dân cư đông lại là nơi đã và đang hình thành phát triển các khu công nghiệp tập trung quy mô lớn thu hút nhiều lao động và dân cư khắp nơi đến. Tất cả những điều đó sẽ làm cho bức tranh thành phần dân cư của Bình Dương không ngừng thay đổi [87,tr.64-66]

Bình Dương là mảnh đất lịch sử, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Cùng với phong trào cách mạng chung của cả nước, trong cách mạng tháng Tám năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Bình Dương là tỉnh sớm có phong trào yêu nước và cách mạng. Những truyền thống cách mạng, điều kiện tự nhiên thuận lợi, cùng với nguồn lao động

sẽ là nội lực, để Bình Dương phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng, và kinh tế - xã hội nói chung trong thời kỳ đổi mới.

Phát huy những lợi thế trên, qua hàng chục năm nhất là hơn 10 năm đổi mới theo đường lối do Đại hội VI của Đảng vạch ra, nền kinh tế Bình Dương nhất là kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp phát triển khá toàn diện và đa dạng. Ngoài việc phát huy nội lực, Bình Dương kế thừa được cơ chế thông thoáng và chủ trương “Trái chiếu hoa đón các nhà đầu tư”, “Trái thăm đò mời gọi nhân tài” của Đảng bộ Sông Bé, đã có sức hút nhân tài, vật lực từ khắp mọi miền Tổ quốc và cả từ nhiều nơi trên thế giới về chung sức xây dựng một nền kinh tế hàng hoá phát triển và một cộng đồng xã hội văn minh.

Trước khi tái lập tỉnh, cơ cấu kinh tế Bình Dương chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ còn nhỏ bé. Cũng chỉ với đất đai, tài nguyên và con người đó, nhưng nhờ có chính sách đúng, biết khai thác những lợi thế hiện có, và nhất là mạnh dạn khuyến khích đầu tư trong nước và ngoài nước, nên đến nay cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch nhanh theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp (nghĩa rộng), tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn. Khu vực công nghiệp và xây dựng có bước phát triển mới với tốc độ cao, liên tục trong nhiều năm, tạo động lực thúc đẩy các ngành nông nghiệp và dịch vụ tăng tốc gắn với chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu lao động trong tỉnh. Trong nhiều năm qua, nền kinh tế Bình Dương tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao và phát triển tương đối toàn diện: GDP thời kỳ 1991-1996 tăng bình quân 18,23% cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp -dịch vụ -nông nghiệp với tỷ trọng tương ứng trong GDP: 50%-27%-23%. Mục tiêu của tỉnh Bình Dương đến năm 2010, GDP tăng 12-13%, Công nghiệp tăng 13-14%, dịch

vụ tăng 14-15%, nông nghiệp tăng 3,8-4%. Về cơ cấu kinh tế: công nghiệp khoảng 59-60%, dịch vụ 31-32%, nông nghiệp 8-10%.

Trong quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nay đến năm 2010 Bình Dương chú trọng tạo ra các ngành kinh tế chủ lực, mũi nhọn; tạo ra những yếu tố mới; tác động tích cực đối với sự phát triển của Tỉnh. Riêng lĩnh vực nông nghiệp, đến năm 2010, đưa diện tích cây công nghiệp dài ngày (chủ yếu cao su) đạt khoảng 138 – 139 ngàn ha, khu vực tập trung chủ yếu ở phía Bắc tỉnh; cây ăn quả khoảng 20 – 21 ngàn ha; cây hàng năm khoảng 30 – 31 ngàn ha đảm bảo cho diện tích gieo trồng lúa khoảng 32 – 33 ngàn ha, cây thực phẩm khoảng 13 – 14 ngàn ha, mía khoảng 2,9 – 3 ngàn ha...; phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng mở rộng chăn nuôi công nghiệp. Tập trung khoanh nuôi, tái sinh, trồng rừng đầu nguồn, cây xanh đô thị, đến năm 2010 đưa độ che phủ thảm thực vật khoảng 70% (kể cả rừng và cây dài ngày) đảm bảo diện tích rừng và đất rừng khoảng 21.500 ha, chiếm 7,9% diện tích tự nhiên. Phát triển công nghiệp nông thôn đi đôi với phát triển dịch vụ và đô thị hóa nông thôn.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, Bình Dương đã đặt ra cho mình một số giải pháp. Trước hết là điều chỉnh quy hoạch và những kế hoạch đầu tư phù hợp với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để có hướng phát triển từng vùng, từng ngành trong tỉnh. Từ đó, xác định vùng Nam Bình Dương là vùng phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ. Vùng Bắc Bình Dương sẽ là vùng phát triển các loại cây công nghiệp, cây nông sản, cây ăn trái, chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát triển mạnh công nghiệp chế biến và những ngành nghề sử dụng lao động.

Từ những điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội thuận lợi, cùng với những chủ trương chính sách đổi mới trong nông nghiệp của Đảng và Nhà nước

đã có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp Bình Dương. Bình Dương có vị trí rất thuận lợi cho việc xây dựng các khu công nghiệp. Công nghiệp Bình Dương phát triển, trong đó có sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến sự xuất hiện nhiều cơ sở công nghiệp ở vùng nông thôn đã trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp của Bình Dương.

II. Tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp Sông Bé - Bình Dương trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1996).

1. Đường lối đổi mới của Đảng về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. (1986-1996).

Việt Nam là một nước nông nghiệp, phần lớn dân số là nông dân sống ở nông thôn. Vì vậy lãnh đạo nông dân cũng chủ yếu là phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Nước ta là một nước nông nghiệp, muốn phát triển công nghiệp cũng như phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính [67, tr.14]. Theo Người, Nông nghiệp là nguồn cung cấp lương thực và nguyên liệu, đồng thời là một nguồn xuất khẩu quan trọng; nông thôn là thị trường tiêu thụ to nhất hiện nay, cho nên cần phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác. Phải cải tạo và phát triển nông nghiệp để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hoá nước nhà. Phải có một nền nông nghiệp phát triển thì công nghiệp mới có thể phát triển mạnh [66, tr.14-15].

Lãnh đạo nông dân, phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn luôn là nhiệm vụ trọng yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Mười năm sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn Việt Nam đã có những chuyển biến quan trọng, nhất là sau khi có chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV). Nhưng do những sai lầm chủ quan, duy ý chí và sự trì trệ của cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp kéo dài, làm cho sản xuất nông nghiệp cũng như các lĩnh vực khác đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Trước nhu cầu bức xúc của đời sống xã hội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước mà trước hết là đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế. Đại hội nhấn mạnh: Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý [30, tr.47], Đại hội chỉ rõ: Nhiệm vụ trước mắt những năm còn lại của chặng đường đầu tiên (1986-1990) là phải tập trung sức người, sức của, thực hiện cho được 3 chương trình mục tiêu về *lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu* [30, tr.48]. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được coi là mặt trận hàng đầu, làm cho sản xuất nông nghiệp vận hành đúng quy luật khách quan, đưa nông nghiệp từ tình trạng tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa, phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, nhằm yêu cầu chủ yếu là tăng nhanh khối lượng và tỷ trọng hàng hoá nông sản. Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, về vật tư, về lao động kỹ thuật. Đầu tư cho nông nghiệp phải đồng bộ từ sản xuất đến chế biến vận chuyển, bảo quản để có nhiều sản phẩm cuối cùng

Năm 1987, ngay sau khi tiến hành Đại hội VI, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 2 (Khóa VI) tháng 4-1987, Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (Khóa VI) tháng 8-1987, tiếp

tục khẳng định Nghị quyết của Đại hội VI của Đảng và đưa ra định hướng cho một số chính sách đổi mới về ruộng đất. Ban chấp hành Trung ương Đảng còn chỉ ra những quy định về giá cả và lưu thông hàng hóa; thực hiện chính sách thu mua nông sản theo giá thỏa thuận đã ban hành từ trước, phân đấu thực hiện cơ chế một giá.

Đầu năm 1988, Quốc hội thông qua *Luật đất đai* (1-1988), đánh dấu một bước phát triển mới về quản lý và sử dụng đất đai.

Nghị quyết của Đại hội VI đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, khuyến khích người nông dân đổi mới cách nghĩ, cách làm cho phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa của nền kinh tế thị trường. Chính đường lối đổi mới của Đảng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Để cụ thể hóa nội dung đổi mới trong nông nghiệp theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, ngày 05 - 4 - 1988 Bộ chính trị (khoá VI) ra Nghị quyết 10 - NQ/TW về *đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Quan điểm cơ bản của Đảng về quản lý nông nghiệp là coi HTX như đơn vị kinh tế tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, nhận khoán với HTX. Nghị quyết 10 chỉ rõ: Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm khắc phục các nhược điểm, sai lầm trong các chính sách lớn đối với nông nghiệp và phải đạt yêu cầu:

-Thực sự giải phóng sức sản xuất; gắn sắp xếp, tổ chức lại sản xuất với cải tạo XHCN, tăng cường cơ sở vật chất- kỹ thuật và đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp. Phát huy được mọi tiềm năng của các ngành kinh tế.

- Mở rộng dân chủ, đề cao pháp chế, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới về tổ chức và cán bộ phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới.

- Nghị quyết 10-NQ/TW đã thể hiện sự chuyển biến căn bản, rõ nét nhất của tư duy kinh tế, đổi mới chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Từ đây sản xuất nông nghiệp và đời sống của nông dân có những thay đổi rõ rệt: người nông dân do tác động của cơ chế mới đã gắn bó với quá trình sản xuất, chủ động trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của mình.

Tháng 3-1989, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (Khoá VI) đã khẳng định những chuyển biến rõ rệt trong sản xuất nông nghiệp từ khi thực hiện Nghị quyết 10. Hội nghị bổ sung làm rõ thêm tư tưởng đổi mới về:

- Mọi tổ chức sản xuất kinh doanh do người lao động tự động góp vốn, góp sức và được quản lý theo nguyên tắc dân chủ, không phân biệt quy mô, trình độ kỹ thuật, mức độ tập thể hoá là hợp tác xã kinh tế hộ gia đình.

- Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất là các đơn vị kinh tế hợp tác với nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.

- Gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, ngoài việc nhận khoán sử dụng ruộng đất, thực hiện các hợp đồng với hợp tác xã, còn chủ động phát triển sản xuất kinh doanh dưới nhiều hình thức, khuyến khích xã viên làm giàu, đồng thời có chính sách, biện pháp cụ thể để giúp các hộ nghèo có thêm điều kiện để vươn lên làm ăn tốt.

- Kinh tế hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, các hộ được giao quyền sử dụng đất lâu dài và có quyền sở hữu các tư liệu sản xuất khác, các hộ gia đình

hoạt động theo cơ chế thị trường, tự hạch toán, lấy thu bù chi và làm ăn có lãi, đây là nguồn động lực mới tạo điều kiện cho các hộ gia đình hoạt động theo phương thức sản xuất hàng hóa.

Như vậy Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khoá VI) đã có sự điều chỉnh lớn trong đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp và cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Những vấn đề cơ bản trong đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã được xác định, trong đó mũi đột phá vào khâu quyết định nhất là sở hữu tập thể. Từ đó xác định rõ vai trò, vị trí của kinh tế hộ nông dân, coi hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ nông dân; hình thành nhận thức đúng đắn về kinh tế hợp tác, mở ra mối quan hệ mới, giữa kinh tế hộ nông dân tự chủ với hợp tác xã; các đơn vị kinh tế quốc doanh, kinh tế tư nhân, cũng tồn tại và phát triển thống nhất trong nền kinh tế thị trường. Mặt quan trọng nữa là *đổi mới chính sách vĩ mô của Nhà nước*, tạo tiền đề cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu thông trao đổi. Những vấn đề cơ bản trên đây, đặt biệt là *nhận thức đúng đắn về kinh tế hợp tác, về vị trí, vai trò kinh tế hộ tạo ra động lực to lớn trong nông thôn...* Nông nghiệp, nông thôn tìm lại chỗ đứng của mình để phát triển trong xu thế đổi mới.

Tháng 6- 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được triệu tập. Đánh giá tổng quát thành tựu đổi mới, Đại hội nêu rõ, sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Thành tựu nổi bật là tình hình chính trị của nước ta ổn định, nền kinh tế có những chuyển biến tích cực song đất nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết... Đại hội xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm (1991-1995) là phải đưa đất nước ta cơ bản phải thoát

khỏi tình trạng khủng hoảng. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Đại hội vẫn tiếp tục xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Đại hội VII thông qua văn kiện quan trọng *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Cương lĩnh nêu rõ: phát triển nông- lâm- ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế- xã hội [38,tr.12].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chủ trương tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế và khẳng định: Để phát huy sức mạnh của tập thể và của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta chủ trương các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ, đồng thời tăng cường vai trò của ban quản trị hợp tác xã trong việc quản lý, điều hành sản xuất và tổ chức dịch vụ ở những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện làm hoặc làm không có hiệu quả bằng tập thể. Cùng với chính quyền và các đoàn thể, hợp tác xã góp phần thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới [37,tr.11].

Tháng 6 – 1993, Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), đã ra nghị quyết về *Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn..* Trung ương đã đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta, xác định mục tiêu, quan điểm đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn từ 1993 -2000 đồng thời đề ra phương hướng và giải pháp cụ thể để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo định hướng XHCN.

Về mục tiêu, Nghị quyết ghi rõ:

Một là, phát triển nhanh, vững chắc nông, lâm, ngư, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh

đề thu hút đại bộ phận lao động dư thừa, tăng năng suất lao động, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm; đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo vệ môi trường sinh thái.

Hai là, cải thiện một bước đời sống văn hoá của nông dân, tăng diện giàu và đủ ăn, xoá đói giảm nghèo.

Ba là, xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở xác định các quan điểm phát triển kinh tế xã hội nông thôn trong thời kỳ mới, Hội nghị đề ra phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, thể hiện trên những điểm chủ yếu là:

*- Đặt sự phát triển của kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. **Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp** theo hướng coi trọng đúng mức sản xuất lương thực; tăng nhanh sản lượng, năng suất, nâng cao chất lượng sản xuất và chế biến lương thực. Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản phẩm nông nghiệp. Thâm canh mở rộng diện tích một số cây công nghiệp, mở rộng phát triển cây ăn quả, **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn** theo hướng phát triển mạnh, vững chắc có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ nông nghiệp. Khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, xây dựng những cơ sở thiết yếu phục vụ công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn (tăng nhanh tỷ trọng của những ngành này trong cơ cấu công nghiệp - dịch vụ- nông nghiệp)*

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Trên cơ sở tiếp tục phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ mà đổi mới hình thức, nội dung kinh doanh và cơ chế hoạt động của HTX. Đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh và làm tốt chức năng chủ đạo về vốn, khoa học

công nghệ, thị trường; khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân trong nông nghiệp nông thôn. Thực hiện chính sách giao quyền tự chủ ruộng đất cho nông dân.

- *Gắn sản xuất với thị trường*, mở rộng sản xuất đi đôi với mở rộng thị trường trong bối cảnh mở cửa, cạnh tranh khu vực và quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường sinh thái.

- *Đổi mới hệ thống chính sách vĩ mô của Nhà nước*, bao gồm chính sách thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá, chính sách đầu tư tín dụng, chính sách khuyến nông, chính sách khoa học - công nghệ, chính sách xã hội nông thôn... Các chính sách đổi mới trên đây tạo điều kiện và môi trường kinh tế - xã hội thúc đẩy cho sản xuất phát triển.

Nghị quyết Trung ương 5 là một bước phát triển mới về đường lối đổi mới trong nông nghiệp. Đảng ta đã đưa ra một hệ thống quan điểm đồng bộ về ba vấn đề lớn: Nông nghiệp, nông thôn và nông dân; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới với nâng cao đời sống của nông dân. Trong đó, Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò của kinh tế hộ, phát triển một bước quan điểm về kinh tế hợp tác, chính sách kinh tế nhiều thành phần; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH; giải quyết vấn đề công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo... Trong đó, nổi bật là sự đổi mới về chính sách ruộng đất, nó tác động đến nhiều vấn đề kinh tế xã hội nông thôn trong quá trình đổi mới.

Từ sau Nghị quyết Trung ương 5, các Nghị quyết của Đảng tiếp tục được phát triển, bổ sung thêm đường lối đổi mới nông nghiệp, nông thôn. Đường lối đổi mới của Đảng được hoạch định, phát triển ở Đại hội VI, VII, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và các Hội nghị Trung ương thực sự có tác dụng

tháo gỡ những cản trở, trì trệ của cơ chế cũ và mở ra hướng phát triển mới cho nông nghiệp, thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cho cả nước nói chung và cho nông nghiệp tỉnh Bình Dương nói riêng.

2. Bình Dương năng động vận dụng đường lối đổi mới, bước đầu thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh.(1986-1996).

2.1. Sự vận dụng đường lối đổi mới của Đảng về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương (1986-1996).

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, Tổ quốc thống nhất, cả nước bắt tay vào xây dựng đất nước theo định hướng XHCN và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Nhân dân Sông Bé thực hiện nhiệm vụ mới với cố gắng mới.

Trong hơn 10 năm (1975-1986), cùng cả nước, Đảng bộ Sông Bé đã lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa, khôi phục sản xuất nông nghiệp. Công cuộc xây dựng nông thôn đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhất là việc xóa bỏ bóc lột về ruộng đất, đời sống của đại bộ phận nông dân được cải thiện. Nhưng do những sai lầm, chủ quan, duy ý chí, nhất là trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp, Sông Bé cũng trong bối cảnh chung của cả nước đã lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trước tình hình đó, Đảng bộ Sông Bé quyết tâm tiếp tục lãnh đạo nông dân giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn, hòa nhịp với cả nước trong công cuộc đổi mới. Vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng,

Đảng bộ và nhân dân Sông Bé xác định phương hướng của Tỉnh trong 5 năm (1986 -1990) là: “Lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, gắn sản xuất với chế biến nhằm giải quyết một cách hợp lý yêu cầu lương thực, thực phẩm tại

chỗ, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng phù hợp nguồn nguyên liệu ở địa phương. Phấn đấu ổn định và cải thiện một bước đời sống và văn hóa của nhân dân” [49, tr.32]. Phát triển sản xuất phải dựa trên cơ sở: bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng từng bước hình thành cơ cấu nông - công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh. Phải gắn các đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, từng vùng lãnh thổ, gắn cải tạo quan hệ sản xuất với xây dựng lực lượng sản xuất thích hợp với từng giai đoạn, sử dụng tốt các thành phần kinh tế đang tồn tại... thực hiện cơ chế quản lý mới, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN lấy kế hoạch làm trung tâm, bố trí đầu tư hợp lý theo cơ cấu kinh tế, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Những năm đầu sau Đại hội VI, thực hiện công cuộc đổi mới, còn gặp nhiều lúng túng, khó khăn. Các hiện tượng tranh chấp đất đai xảy ra ở vài nơi tỏ ra khá căng thẳng làm cho đời sống của nông dân gặp nhiều khó khăn. Tình trạng trên là do đường lối của Đảng trong nông nghiệp, kể từ khi Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp cho đến sau Đại hội VI đã bộc lộ những hạn chế và trở thành sự kìm hãm phát triển sản xuất. Những hạn chế đó là:

Thứ nhất, với cơ chế khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100, người lao động mới thực sự làm chủ 3 khâu (gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch), các khâu còn lại vẫn do tập đoàn điều hành, nông dân vẫn chưa có quyền làm chủ nên họ chưa yên tâm cho sản xuất.

Thứ hai, bộ máy quản lý điều hành của tập đoàn sản xuất về cơ bản vẫn giữ nguyên như thời khoán việc, công việc điều hành giảm nhiều, số cán bộ không có việc làm trong các ban quản lý điều hành còn lớn, các khoản đóng góp có phần tăng thêm, trong khi đó tệ quan liêu và thiếu dân chủ trong các tập đoàn

vẫn còn tồn tại với nhiều hình thức: giao ruộng khoán thì dành phần đất tốt và thuận lợi cho gia đình, thân nhân, điều chỉnh mức khoán, khoán chui, khoán chạy và thu sản phẩm...

Thứ ba, trình độ dân trí trong nông dân thấp, không đồng đều. Lợi dụng điều này nhiều cán bộ quản lý tập đoàn còn ăn bớt, ăn xén của tập đoàn viên trong quá trình cải tạo nông nghiệp,

Đứng trước tình hình đó, sự ra đời Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (05/4/1988) thực sự là nguồn ánh sáng mới, nguồn lực mới để đưa nông nghiệp, nông thôn cả nước nói chung và tỉnh Sông Bé nói riêng phát triển trong điều kiện mới.

Với chính sách khoán gọn đến hộ nông dân, hộ là đơn vị kinh tế tự chủ được nêu ra trong Nghị quyết 10 đã khắc phục dần tình trạng yếu kém trước đây, người nông dân tha thiết với đồng ruộng hơn, phấn khởi sản xuất, nông dân mạnh dạn đầu tư, thâm canh tăng năng suất, tăng diện tích. Trong các năm 1986 -1996 cơ cấu cây trồng có sự chuyển đổi lớn, đã định hình được vùng cây cao su tập trung với 129.341 ha; 1/3 diện tích trồng mới đã được khai thác. Các loại cây trồng như thuốc lá, điều, tiêu, mía có phát triển, nhất là cây điều phát triển mạnh với 308.719 ha. Diện tích lúa nước đã ổn định và đi vào thâm canh tăng vụ. Trồng trọt và chăn nuôi có sự chuyển dịch về cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp theo hướng tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hoá xuất khẩu, bước đầu áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, phát huy hiệu quả công tác khuyến nông. Lâm nghiệp cơ bản đã chuyển từ khai thác sang trồng và bảo dưỡng rừng.

Do thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho nhân dân, nhất là kể từ khi Quốc hội thông qua Luật đất đai (01/1988) đã đánh dấu bước phát triển mới cho

sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng tha thiết của nhân dân. Trong 5 năm (1986 -1990) nhiệm vụ chủ yếu của lâm nghiệp là thiết lập mặt bằng quản lý, phân công, phân cấp cho các huyện, xã nhằm giữ cho được 269.000 ha rừng, lập lại trật tự quản lý trong toàn ngành nhằm bảo vệ, trồng mới, khai thác, chế biến, sử dụng vốn rừng

Trong 2 năm 1986 - 1987, Tỉnh chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới, phấn đấu đến 1990 đưa hầu hết nông dân vào làm ăn tập thể với hình thức phổ biến là liên tập đoàn... Thế nhưng do tập đoàn sản xuất hợp tác xã nông nghiệp được xây dựng một cách “gò ép” nên mặc dù Đảng bộ tỉnh đã đầu tư nhiều cho phát triển nông nghiệp nhưng kết quả thu về vẫn còn rất thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của người nông dân. Đến năm 1988, thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị xác định hộ là một đơn vị kinh tế tự chủ, ruộng đất được nhà nước giao quyền sử dụng lâu dài nên phần lớn nông dân trở về với đất gốc. Đến 1990 đại bộ phận kinh tế tập thể trong nông nghiệp chuyển sang kinh tế hộ gia đình; kinh tế cá thể phát triển mạnh mẽ và đa dạng, góp phần khai thác có hiệu quả lao động, đất đai và nguồn vốn lớn trong nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên vấn đề giao đất cũng hết sức phức tạp, các hiện tượng tranh chấp, thừa kiện kéo dài. Thực hiện Nghị quyết 10 và Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, tình hình tranh chấp ruộng đất đã được khắc phục về cơ bản.

Từ năm 1989 - 1990, cơ cấu kinh tế nông thôn, bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân đã khởi sắc và phát triển.

Như vậy, sự biến đổi về cơ cấu sản xuất là một sự chuyển mình tích cực của một nền nông nghiệp độc canh, lạc hậu, mang nặng tính chất tự cấp, tự túc sang một nền sản xuất nông nghiệp toàn diện với sự phát triển đa dạng về ngành

nghe, theo hướng sản xuất hàng hoá. Sự chuyển đổi đó đã tạo nên tiền đề vật chất quan trọng để cải tạo bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống vật chất văn hóa của nhân dân.

Tuy nhiên trong sản xuất nông nghiệp nói riêng và trong toàn bộ vấn đề nông dân- nông nghiệp- nông thôn nói chung còn những mặt hạn chế và thiếu sót: Một tỷ lệ khá đông hộ nông dân thiếu vốn, giống tốt, vật tư, chưa được giúp đỡ kịp thời, hệ thống tưới tiêu, thủy lợi nội đồng mới được phát huy trên 20%, sản xuất lương thực có xu hướng giảm dần, diện tích cây mì còn bằng 50% so với các năm trước, diện tích đậu phộng giảm 30%. Sự chuyển đổi cây trồng có phần phù hợp với định hướng, nhưng còn mang yếu tố tự phát và hộ nông dân chưa thật sự yên tâm vì giá cả của sản phẩm chưa thật ổn định. Công nghiệp chế biến chưa phát triển kịp với khả năng nguyên liệu đang tăng lên. Mặt khác, đã xuất hiện nhu cầu hợp tác, liên kết liên doanh giữa các hộ, giữa hộ và các tổ chức sản xuất. Nếu kịp thời giải quyết những tồn tại trên, nhất là có những chủ trương, hướng dẫn đổi mới kịp thời hoạt động kinh tế tập thể trong nông dân thì sản xuất ở nông thôn trong tỉnh có khả năng phát triển mạnh.

Thực hiện quan điểm tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn, Đại hội lần thứ V (vòng II) Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã vận dụng sáng tạo, linh hoạt những quan điểm cơ bản của Đại hội, để đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội nói chung và cho nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong 5 năm (1991 - 1995) Như sau : trong 5 năm tới cơ cấu kinh tế là “nông - công nghiệp chế biến – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ; phấn đấu giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp thuần túy, đưa sang làm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.[51.tr36]

Đảng bộ khẳng định tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, trước hết giữ vững và mở rộng các vùng chuyên canh, cây cao su, điều, đậu phộng, mía, thuốc lá... Cần đầu tư thích đáng để nghiên cứu phổ biến, ứng dụng khoa học kỹ thuật để thâm canh, tăng năng suất các loại cây trồng, con gia súc phục vụ chế biến và xuất khẩu. Mở rộng các hoạt động khuyến nông phục vụ sản xuất.

Tăng vốn đầu tư làm mới và nâng cấp hệ thống thủy lợi, tạo giống mới thâm canh, tăng năng suất vùng lúa nước, phục hồi ổn định diện tích mì, bắp, mía. Phần đầu đạt giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 24% năm [51.tr.37]

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển con giống (heo, gà, bò) hiện có và nhập thêm giống mới để cung cấp thêm giống tốt cho nhu cầu phát triển chăn nuôi của nhân dân; những nơi có điều kiện thì nuôi bò, trâu lấy sữa. Tổ chức nuôi trồng thủy sản nơi có điều kiện, có kế hoạch sử dụng lòng hồ Thác Mơ nuôi cá, phần đầu tăng giá trị sản lượng chăn nuôi hàng năm tăng 8,5% [51.tr.37].

Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và công tác quản lý bảo vệ rừng. khuyến khích các thành phần kinh tế mượn đất trồng rừng hướng dẫn trồng những cây có giá trị kinh tế cao như sao, dầu... Trước mắt cần tập trung khoanh vùng bảo quản trồng và khai thác lồ ô, tre nứa đủ cung ứng cho các xí nghiệp chế biến hàng xuất khẩu của tỉnh.

Sau những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết lần thứ V của Đảng bộ Tỉnh, tình hình kinh tế nông nghiệp, nông thôn Bình Dương- Sông Bé đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng một bước, kinh tế nhiều thành phần đã phát triển theo nhiều hình thức đa dạng, phong phú, theo hướng sản xuất hàng hóa,

hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa, đời sống của nông dân và bộ mặt nông thôn có nhiều biến đổi tích cực.

Những thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp của tỉnh Bình Dương- Sông Bé trong thời kỳ này đã góp phần đưa đất nước ta khắc phục dần cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, biến đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp Bình Dương -Sông Bé vẫn còn tồn tại những vấn đề :

- Nông nghiệp vẫn đang ở trình độ thấp, vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp, tỷ xuất hàng hóa và hiệu quả lao động trong nông nghiệp còn thấp, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, giá tiêu thụ nông sản thường biến động không có lợi cho người sản xuất.

- Tiềm năng về nguồn nhân lực, đất đai, cơ sở vật chất tiền vốn ... chưa được sử dụng và khai thác có hiệu quả.

- Sản xuất nông nghiệp chưa gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, chăn nuôi chưa phát triển mạnh. Công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ trong nông thôn mới chiếm tỷ trọng nhỏ và tăng trưởng chậm.

- Thực chất cơ cấu kinh tế của tỉnh vẫn còn là nông- công - dịch vụ, công nghiệp phát triển tương đối, nhưng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế còn thấp.

Để khắc phục những yếu kém và những vấn đề mới nảy sinh, tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới, Tỉnh ủy Bình Dương-

Sông Bé tổ chức Hội nghị để quán triệt tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5, đồng thời tiến hành phổ biến Chương trình hành động của tỉnh.

Vận dụng một cách sáng tạo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), Tỉnh ủy Bình Dương - Sông Bé xác định, để khai thác hợp lý tiềm năng trên từng vùng lãnh thổ, phát huy kết cấu hạ tầng sẵn có, điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể nền kinh tế và đổi mới cơ cấu nông nghiệp của địa phương. Trên cơ sở đó bố trí lại cơ cấu đầu tư, cơ cấu cây con, phân bố lại lao động, dân cư và đề ra chính sách cụ thể nhằm khai thác tốt tiềm năng của mỗi vùng; có kết luận khoa học, tạo điều kiện ban đầu để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Để Nghị quyết Trung ương 5 đi vào cuộc sống, Đảng bộ xác định, phải tiến hành đổi mới, chỉnh đốn Đảng bộ và chính quyền xã nơi tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; đồng thời đưa ra những chương trình hành động nhằm đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới như:

Chương trình phát triển thủy lợi, bảo đảm phục vụ yêu cầu của tất cả các vùng, trước hết là vùng sản xuất lương thực. Tiến hành nạo vét sông rạch bồi lắng, khai thác có hiệu quả các chương trình hiện có đi đôi với xây dựng một số công trình mới, thiết thực phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Chương trình phát triển giao thông nông thôn, đây là mục tiêu lớn, rất cấp bách, đồng thời cũng khó khăn đối với Bình Dương- Sông Bé. Đảng bộ tỉnh xác định, từ nay đến năm 1995, tập trung nỗ lực để xây dựng đường bộ nông thôn trong từng xã, từng huyện và toàn tỉnh. Đối với những vùng nông thôn có điều kiện phải bảo đảm ấp liền ấp, xã liền huyện, huyện liền Tỉnh... nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của một vùng nông thôn rộng lớn.

Chương trình phát triển lưới điện, phải khẩn trương đưa điện về các huyện xa và cố gắng đưa điện từ huyện toả ra các vùng nông thôn lân cận, trước hết là những cụm dân cư tập trung phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt văn hóa

Chương trình xây dựng cơ sở vật chất ngành y tế, nhiệm vụ cơ bản là phải xây dựng mạng lưới y tế ở các xã nông thôn, bảo đảm phòng, chống các loại dịch bệnh. Phần đầu mỗi người dân có 2,3 lần được chăm sóc y tế hàng năm.

Về chương trình nước sạch cho sinh hoạt, phải tập trung giải quyết cơ bản nguồn nước sạch cho sinh hoạt của đồng bào nông thôn, vận động nông dân thực hiện việc ăn sạch, ở sạch, uống chín.

Trên cơ sở xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện chuyển biến cơ cấu kinh tế nông thôn. Đồng thời tỉnh cũng chỉ đạo thực hiện các chính sách đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, xây dựng khu dân cư đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau để góp phần xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 (khóa VII) và các Chương trình hành động của Tỉnh ủy, tình hình sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Sông Bé đã đi đúng hướng, hiệu quả kinh tế từng bước được nâng lên.

Tỉnh thực hiện tốt chủ trương đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển một số nơi sản xuất lúa năng suất thấp sang trồng cây khác, nhằm tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, bảo đảm tính bền vững của sản xuất.

2.2 Kết quả vận dụng đường lối đổi mới của Đảng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương.(1986-1996).

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Bình Dương đã từng bước xoá cơ chế quản lý kinh tế tập

trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế quản lý mới, huy động được mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh. Các loại hình kinh tế đi dần vào thể ổn định, từng lĩnh vực đã đạt được những thành tựu và tiên bộ quan trọng, tạo tiền đề cho bước phát triển ở những năm sau. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và tận dụng, phát huy các tiềm năng thế mạnh của ngành, vùng.

Giai đoạn từ 1986-1996, kinh tế trong tỉnh phát triển đều và liên tục với tốc độ tăng trưởng nhanh. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) các năm từ 1986-1990 tăng không cao, bình quân hàng năm tăng 5%. Nhưng đến cuối 1991 thì mức tăng trưởng đã trở thành một bước nhảy vọt, từ 5 tỷ 714 năm 1991 vượt lên 390 tỷ 252 triệu đồng tức tăng 68,3 lần so với năm 1990. Từ năm 1991-1996, tổng sản phẩm trong tỉnh tiếp tục tăng mạnh; Tổng thu ngân sách của tỉnh năm 1996 đạt 693 tỷ 814 triệu đồng, tăng 13,9 lần so với 1990 [53,tr10] và gấp 623,3 so với năm 1986. Cơ cấu tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đến năm 1996 chia theo thành phần kinh tế là: Quốc doanh 36,1%, ngoài quốc doanh 49,3%, đầu tư nước ngoài 14,6%, chia theo ngành kinh tế: tỷ trọng công nghiệp chiếm 45,8%, nông nghiệp chiếm 26,5% và dịch vụ chiếm 27,7% [14,tr28]. Trong từng ngành sản xuất kinh doanh có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tận dụng và phát huy các thế mạnh, tiềm năng của ngành, vùng sản xuất.

Trong nền kinh tế nông nghiệp, Bình Dương đã sớm chuyển đổi cơ cấu phát huy thế mạnh cây, con ở từng vùng, phát triển sản xuất hàng hoá với nhiều thành phần kinh tế, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, nhờ đó đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, tạo ra nguồn hàng tương đối lớn có giá trị xuất khẩu. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị đã đổi mới quản lý trong nông nghiệp, tỉnh đã kịp thời sửa sai

trong cải tạo nông nghiệp, đề ra một số chủ trương, chính sách phù hợp, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, bước đầu giải phóng năng lực sản xuất trong nông thôn, nông dân mạnh dạn đầu tư thâm canh tăng năng suất, tăng diện tích. Đến năm 1995, đã định hình được vùng cây cao su tập trung với 129.341 ha; 1/3 diện tích trồng mới đã được khai thác [50,tr13]. Các loại cây trồng như thuốc lá, điều, tiêu, mía có phát triển, nhất là cây điều phát triển mạnh với 308.719 ha. Diện tích lúa nước ổn định và đi vào thâm canh tăng vụ; năm 1985 có 54.585 ha. Mặc dù trong tình hình chuyển sang cơ chế thị trường, giá cả liên tục biến động, tiền vốn, vật tư không đáp ứng đủ và kịp thời, từng loại cây trồng có vụ tăng, có vụ giảm, nhưng sản lượng nông nghiệp hàng năm đều tăng. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp các năm từ 1986-1990 tăng bình quân hàng năm khoảng 4% nhưng đến năm 1991, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng mạnh, đạt 278 tỷ 131 triệu đồng, gấp 148 lần so với năm 1990. Giá trị sản xuất nông nghiệp các năm từ 1991-1996 tăng bình quân hàng năm 30,5% ; riêng năm 1996, đạt 856 tỷ 517 triệu đồng tăng 114% so với năm 1995 và tăng gấp 3,1 lần so với năm 1991. Cả trồng trọt và chăn nuôi đều có sự chuyển dịch về cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp theo hướng tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và sản xuất hàng xuất khẩu; bước đầu áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, phát huy hiệu quả công tác khuyến nông. Lâm nghiệp cơ bản đã chuyển từ khai thác sang trồng và bảo dưỡng, xây dựng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, gắn với định canh, định cư, giao đất giao rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc.

Nhờ thực hiện các chính sách đổi mới về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nên một bộ phận nhân dân có thu nhập khá, đời sống vật chất của nhiều hộ được cải thiện. Ở nông thôn số hộ có nhà ngói và tiện nghi sinh hoạt tăng lên. Ở những cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu nhập của công nhân khá cao, nên đời

sống tương đối ổn định. Hàng năm tỉnh đã giải quyết việc làm cho gần 20.000 lao động, các chương trình xóa đói, giảm nghèo được đông đảo nhân dân đồng tình và nhiều doanh nghiệp hưởng ứng, góp phần giải quyết khó khăn cho những hộ nghèo. Các dự án nhỏ vay vốn quốc gia, giải quyết việc làm, đã góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng – 1986), các Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 5 khoá VII và Luật đất đai, hộ nông dân được chính thức thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, có vai trò tích cực ở nông thôn, được giao quyền sử dụng đất lâu dài, nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, góp phần giải quyết việc làm ở nông thôn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại giống mới có hiệu quả kinh tế cao, khai thác đồi núi trọc, nuôi trồng thủy sản, xây dựng nông, lâm, ngư trại với quy mô thích hợp. Nhiều hộ gia đình nông dân biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, có thu nhập cao. Kinh tế hộ đã được hồi sinh và tiếp tục phát triển để đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới đất nước của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Sông Bé-Bình Dương đã đoàn kết, tự lực, tự cường khắc phục những khó khăn, trở ngại, phấn đấu vươn lên. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp vẫn tiếp tục phát triển. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) hàng năm tăng bình quân 15%. Đạt được những kết quả trên là do có đường lối đổi mới của Đảng, Tỉnh kịp thời đổi mới vào điều kiện cụ thể của địa phương, phát huy được nội lực trong tỉnh và chú trọng kêu gọi đầu tư nước ngoài. Đáng chú ý là với chủ trương phát huy nội lực và kêu gọi đầu tư vào ngành nông, lâm đã đưa đất hoang, đất

rừng cũ, đất gò đồi giao cho nông dân và các thành phần kinh tế lấp hết diện tích và sử dụng có hiệu quả.

Sau mười năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã thu được những thắng lợi quan trọng, đưa đất nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Mức tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ cao nhất từ trước đến nay. Hoà cùng với tình hình chung của cả nước, nông nghiệp, nông thôn Sông Bé cũng đạt được những thành tựu rất lớn, chưa từng có trong lịch sử tỉnh. Lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, đối với chế độ được củng cố. Đó là kết quả phấn đấu vượt bậc của Đảng bộ và bà con nông dân Sông Bé, nông dân Bình Dương nói riêng trong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Thành tựu lớn lao nhưng bên cạnh đó vẫn còn những khuyết điểm và thiếu sót cần khắc phục để cùng cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo đà tiến vào kỷ nguyên mới.

CHƯƠNG II

QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG TỪ 1997-2007.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Dương chính thức được thành lập gồm 4 đơn vị hành chính: Thị xã Thủ Dầu Một và 03 huyện Thuận an, Tân Uyên, Bến Cát. Dù là một tỉnh nhỏ về mặt địa giới hành chính, với 2.695,54Km² diện tích và dân số là 721.933 người, nhưng Bình Dương là tỉnh có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên, và có vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương từ năm 1997 – 2007 chia làm 2 giai đoạn như sau:

I- Giai đoạn từ 1997 -2001:

1. Đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. (1997 -2001)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6 -1996) của Đảng đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó trọng tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. “Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là: đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu, các dịch vụ cho sản xuất và đời sống nông dân, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, tiến tới hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại” [35, tr.86].

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VIII, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trước tiên đó là sự ra đời của Luật Hợp tác xã (HTX), 1-7-1997, trong đó có nội dung quan trọng là chuyển đổi các HTX sản xuất nông nghiệp trước đây sang làm chức năng dịch vụ theo mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới, làm dịch vụ cho kinh tế hộ. Sau đó Chính phủ ban hành nhiều chính sách mới về nông nghiệp, nông thôn, tiêu biểu là đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn theo hướng tăng 50% vốn ngân sách trong năm 1999; chính sách vay vốn cho mỗi hộ nông dân đến 10.000.000 đồng không phải thế chấp.

Ngoài ra còn có nhiều chương trình, dự án lớn của Chính phủ đầu tư, vào nông nghiệp, nông thôn được thực hiện với nguồn vốn ngân sách, vốn vay, vốn viện trợ quốc tế như: Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg (15 - 8 - 1998) về chính sách quản lý và sử dụng rừng trồng bằng vốn tài trợ của Chương trình lương thực thế giới; Quyết định số 13 - 1998/QĐ-TTg (23-1-1998) về việc thành lập ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; Chương trình nước sạch nông thôn...

Sau Đại hội VIII của Đảng, BCHTW và Bộ chính trị có ra một số Nghị quyết nhằm cụ thể hóa đường lối Đại hội VIII của Đảng như:

Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (Khóa VIII) (29 -12-1997) ra Nghị quyết về *“Tiếp tục công cuộc đổi mới và phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000”*. Hội nghị tiếp tục bàn về phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ sinh học, ưu tiên phát triển các cây trồng và vật

nuôi có quy mô xuất khẩu tương đối lớn và thị trường ổn định, đặc biệt coi trọng các sản phẩm quý hiếm ta có lợi thế. Hết sức chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến” [37, tr.135].

- Ngày 17 - 10-1998, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (lần 1) (Khóa VIII) đã họp bàn về “*Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999 và vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn*”. Hội nghị khẳng định: “Tập trung sức cao hơn nữa cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cơ sở vững chắc cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong mọi tình huống, ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới cơ chế các ngành công nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, tăng nhanh khả năng cạnh tranh của sản phẩm” [39, tr.194]. Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khóa VIII) của Đảng có nhiều nội dung mới, trong đó quan trọng nhất là khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Lần đầu tiên, vấn đề kinh tế trang trại được thừa nhận trong Nghị quyết của Đảng. Nghị quyết thừa nhận trang trại như một hình thức phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với quy mô lớn hơn, với trình độ cao hơn; chủ trương phát triển kinh tế hộ, đổi mới HTX, doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân; tăng đầu tư cho nông nghiệp; mở rộng quyền của người sử dụng đất, thừa nhận đất đai có giá. Nghị quyết khẳng định sự tồn tại tất yếu, lâu dài của nền kinh tế nhiều thành phần, chỉ rõ tầm quan trọng của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế hộ, xác lập vị trí của kinh tế trang trại. Đồng thời vạch hướng cho đầu tư vào nông nghiệp về khoa học, công nghệ, mở rộng quyền sử dụng đất, phát triển thị trường nông sản.

- Đặc biệt, tháng 1-1998 Bộ Chính trị ra Nghị quyết 06 - NQ/TW về “*Một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*” đề ra những cơ chế và chính sách mới, tạo sự thông thoáng hơn để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, nhất là tiềm lực về đất đai, rừng biển và lao động nông thôn.

Trên cơ sở những mặt làm được, những mặt còn hạn chế, Nghị quyết nêu rõ quan điểm của Đảng về phát triển nông nghiệp và nông thôn trong thời gian tới

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, ngành nghề gắn sản xuất với thị trường để hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn và trên phạm vi cả nước; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới; gắn công nghiệp hóa với thực hiện dân chủ hóa và nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực ở nông thôn.

- Phát huy lợi thế từng vùng và cả nước, áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nông sản thực phẩm và nguyên liệu công nghiệp, hướng mạnh ra xuất khẩu.

- Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo... Tạo điều kiện và khuyến khích mạnh mẽ hộ nông dân và những người có khả năng đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Ngày 15-6-2000, Chính phủ ban hành Nghị quyết 09 “*Về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*”.

Điều đáng chú ý của Nghị quyết này là, Chính phủ cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Chuyển một phần diện tích lúa năng suất thấp sang trồng màu, cây công nghiệp, cây ăn quả... thực hiện đa dạng hóa cây trồng để tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Nghị quyết này được Bình Dương thực hiện rõ nét nhất trong ngành trồng trọt, do đất Bình Dương không thích hợp trồng cây lương thực mà chỉ thích hợp trồng cây công nghiệp. Vì vậy diện tích trồng cây công nghiệp có tỷ trọng lớn nhất, chiếm khoảng 65,5% giá trị sản xuất của ngành trồng trọt; Rau, đậu và gia vị: khoảng 9,2% và đang có xu thế tăng nhẹ; lúa chiếm khoảng 9,0% và có xu thế giảm; Cây lương thực khác chiếm khoảng 6,0% và cũng có xu hướng giảm. Cây ăn quả chiếm khoảng 9,0% và đang có xu hướng tăng. Quá trình chuyển dịch sản phẩm trồng trọt như vậy là phù hợp với định hướng phát triển là dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng đóng góp của các ngành có năng suất thấp, như: cây lương thực; tăng tỷ trọng các cây trồng khác có hiệu quả hơn, có yêu cầu lớn của thị trường: cây ăn quả, cây công nghiệp...Tập trung chăm sóc và tiếp tục phát triển diện tích cây cao su, cây điều, cây ăn trái đạt năng suất cao gắn với kêu gọi các dự án đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến.

Nghị quyết 09/CP của Chính phủ đã thể hiện sự đổi mới tư duy theo xu hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, lấy hiệu quả làm mục tiêu, khác hẳn với tư duy tự túc lương thực bằng mọi giá, kể cả cấm chuyển đất lúa sang trồng cây trồng khác hoặc chạy theo năng suất cao, sản lượng nhiều mà không quan tâm đến chất lượng, giá cả nông sản và sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Những quan điểm đúng đắn của Đảng về phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn nêu trên đã tạo điều kiện cho các ngành, các địa phương, các chủ trang trại yên tâm đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, làm giàu chính đáng. Đường lối

đúng đắn của Đảng là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Bình Dương vận dụng vào thực tiễn nông nghiệp của Tỉnh, tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Bình Dương vận dụng đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương. (1997-2001).

Thực hiện Quyết định của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX. Tỉnh Sông Bé được chia thành hai Tỉnh: Bình Dương và Bình Phước, ngày 01/01/1997 Tỉnh Bình Dương được tái lập và chính thức đi vào hoạt động.

Căn cứ tình hình, đặc điểm của tỉnh, kế thừa và phát triển những chủ trương, giải pháp của Đảng bộ Sông Bé trước đây, tháng 12 - 1997, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VI nhiệm kỳ 1997 - 2000 xác định nhiệm vụ tổng quát của Đảng bộ và quân dân Bình Dương từ 1997 đến hết năm 2000 là: “Tạo môi trường điều kiện thuận lợi, phát huy mạnh hơn nữa các lợi thế vị trí địa lý, nguồn lực, tiềm năng trong dân, các doanh nghiệp trong tỉnh, thu hút mạnh các nguồn lực ngoài tỉnh và nước ngoài, tạo động lực để phát triển; hình thành nền kinh tế mở, cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN... Đến năm 2000 cơ cấu kinh tế của tỉnh là: Công nghiệp- dịch vụ- nông, lâm nghiệp với tỷ trọng tương ứng 57-58%, 26-27% và 15-16%”[53.tr.35-36]. Định hướng về nông nghiệp của Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần VI đã chỉ ra “ *Phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa; phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất với các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất, xuất khẩu và đáp ứng được nhu cầu của thị trường các khu đô thị, khu công nghiệp tại chỗ và thị trường vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ. Xây dựng nông thôn mới, từng bước chuyển sang một nền nông nghiệp sạch (*

môi trường sạch, sản phẩm sạch) và phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. [53 tr.44] .

Tập trung sức cho phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tỉnh Bình Dương định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên các ngành, lĩnh vực như sau:

- Về trồng trọt: Xu thế của ngành trồng trọt có sự chuyển dịch giảm cây trồng lương thực, tăng các cây trồng rau, đậu, gia vị và thực phẩm, cây ăn quả. Hình thành các vành đai rau xanh, rau sạch với quy mô hợp lý vùng Nam Bình Dương, đồng thời xây dựng hệ thống dịch vụ thu mua cung cấp cho thị trường tại chỗ, chú trọng thị trường lớn Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục triển khai qui hoạch phát triển vùng trồng mía, thuốc lá, chú trọng phát triển cây bắp, cây thơm giống mới có năng suất cao, tạo nguồn nguyên liệu ổn định, cung cấp cho thị trường tiêu thụ lớn của công nghiệp trong vùng. Phát huy hiệu quả mô hình kinh tế trang trại, khuyến khích phát triển kinh tế hộ nông dân và các hình thức kinh tế hợp tác liên kết đầu tư phát triển

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa giống mới vào sản xuất, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn .

- Về chăn nuôi: Ngành chăn nuôi phát triển mạnh theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, trước hết là đàn heo và gia cầm gắn với việc triển khai các dự án đầu tư nước ngoài, chú trọng phát triển đàn bò sữa ở hai huyện Bến Cát, Tân Uyên, thực hiện chương trình phát triển đàn bò thịt và bò sinh sản ở các huyện, thị, tập trung các huyện phía Bắc. Để nâng chất lượng đàn bò, heo, gà công nghiệp phát triển mạnh gắn với các cơ sở chế biến đang hình thành, sử

dụng nguyên liệu tại chỗ, xây dựng mạng lưới thương mại vùng nông thôn, thu mua trao đổi hàng hoá giúp người nông dân tiêu thụ sản phẩm thuận lợi, phát triển đa dạng theo mô hình lớn và vừa gắn với kinh tế hộ. Bên cạnh tỉnh còn quản lý chặt về quy hoạch, hạn chế ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Về lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác trồng cây gây rừng tạo lập sinh thái cho đô thị, các khu công nghiệp, phát triển rừng phòng hộ, bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan du lịch là việc làm cần thiết. Phát động phong trào trồng cây gây rừng cùng với chính sách giao đất, giao rừng hợp đạo lý sinh thái, hợp lòng người cho các hộ nông dân quản lý, với sự giám sát của nhà nước. Sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý lâm nghiệp phù hợp với tình hình mới, có phương thức quản lý rừng và đất lâm nghiệp hợp lý, kiên quyết và xử lý nghiêm những tập thể và cá nhân vi phạm việc bảo vệ rừng, thực hiện chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ. Thực hiện dự án phát triển rừng với quy mô 19.633 ha và dự án cải tạo 13.400 ha điều năng suất cao [54, tr43] kết hợp trồng cây phân tán và trồng cây công nghiệp để nâng độ che phủ lên 47 -50%. Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng; ngăn chặn phá rừng và phòng chống cháy rừng, hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng và chăm sóc rừng

- Về thủy lợi: Nhằm phục vụ cho việc phát triển một nền nông nghiệp bền vững, vấn đề xây dựng các công trình thủy lợi được các cấp chính quyền đặc biệt chú trọng đầu tư thông qua việc triển khai thực hiện chương trình kiên cố kênh mương, xây dựng các đê bao phục vụ tưới tiêu và phòng chống lụt bão, tiếp tục đầu tư dự án thủy lợi Phước Hoà. Công tác quản lý khai thác tài nguyên nước được tăng cường và tiếp tục xây dựng nguồn nước sinh hoạt nông thôn, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch nông thôn, nâng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch lên 70-75%.

Mỗi năm Tỉnh Ủy đều có chỉ thị, nghị quyết lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp qua các công đoạn chuẩn bị, quá trình sản xuất, chế biến và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Ngành công nghiệp của tỉnh phát triển công nghiệp chế biến, phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu chế biến nguyên liệu tại chỗ, giải quyết việc làm, kích thích cho tăng trưởng kinh tế - xã hội nông thôn. Nhà nước cần phải có chính sách kinh tế phù hợp, khuyến khích các hộ nông dân, tư nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn, trước hết là làm thủy lợi, đường giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế... triệt để khai thác và đưa vào sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi, kết hợp chặt chẽ giữa giao thông đường thủy, đường bộ, chú ý tiếp tục đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi kết hợp nguồn vốn giữa nhà nước và dân để làm các công trình giao thông nông thôn, không ỷ lại, trông chờ vào nguồn vốn của Trung ương. Đảng bộ xác định việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chủ yếu sẽ dựa trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm, quản lý chặt chẽ đất đai, quy hoạch lại sản xuất cho phù hợp với từng vùng đất, cụ thể là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh, quyết tâm tạo ra sự chuyển biến căn bản về sản xuất nông nghiệp, xã hội nông thôn và đời sống của nông dân.

Đảng bộ tỉnh Bình Dương đã chỉ đạo các ban ngành, các huyện phải có kế hoạch sử dụng nguồn vốn được phân bổ một cách có hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ và UBND tỉnh đặc biệt chú ý đến các gia đình nông dân nghèo, gia đình chính sách. Đối với các hộ nông dân này, các cấp bộ Đảng và Chính quyền đã thực hiện nhiều

biện pháp linh hoạt để giúp bà con có điều kiện tổ chức sản xuất, ổn định đời sống như tạo mọi điều kiện cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi và chu kỳ vay phù hợp với chu kỳ cây trồng vật nuôi để đảm bảo cho bà con nông dân sau khi thu hoạch sản phẩm thì mới phải trả vốn gốc.

Những chủ trương và biện pháp cụ thể nêu trên đã góp phần từng bước giải phóng sức sản xuất, khơi dậy những tiềm năng, thế mạnh của người nông dân, của sản xuất nông nghiệp. Đường lối đổi mới của Đảng mà trực tiếp là Nghị quyết Đại hội VIII (1996), Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) (khoá VII), Nghị quyết 6 của Bộ chính trị (khoá VIII) 1998 và những chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã tạo ra động lực tinh thần và sức mạnh vật chất, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cả nước nói chung và Bình Dương nói riêng trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Sức sản xuất được giải phóng, kinh tế nhiều thành phần được khuyến khích phát triển đã có tác động tích cực vào nông thôn.

3. Nông nghiệp Bình Dương bước đầu chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cùng với đà tăng trưởng của kinh tế Bình Dương, giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh đã luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. Điều này khẳng định tính đúng đắn trong các chính sách của tỉnh về sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ ngắn ngày độc canh sang trồng cây lâu năm, phù hợp với sinh thái của địa phương và phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi công nghiệp.

Trong giai đoạn 1997-2001 ngành nông nghiệp Bình Dương đã đạt được những kết quả cao do tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp khá nhanh, các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh được xây dựng phù hợp với đặc điểm

sinh thái của địa phương và nhu cầu của thị trường, việc gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và tiêu thụ bước đầu khá thành công. Giá trị sản xuất nông nghiệp Bình Dương duy trì ở tốc độ tăng bình quân 5,2%/năm; trong đó ngành trồng trọt tăng 4,4%/năm, chăn nuôi tăng 1,2%/năm. Cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển đổi mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá. Rất nhiều vùng đất trống trước đây, bây giờ đã được thay bằng các trang trại tiêu, cao su, cây ăn trái...[25.tr.130].

Sau một quá trình chuyển đổi tình đã xây dựng được các vùng chuyên canh, thâm canh, vùng nguyên liệu có năng suất cao như: Cao su, điều, cây ăn trái vùng gò Bến Cát, Tân Uyên; vùng cây ăn trái gắn với kinh doanh du lịch: ven sông Sài Gòn từ Thuận An – Thị xã Thủ Dầu Một đến Nam Bến Cát và vùng Cù Lao Bạch Đăng, Tân Uyên; xây dựng vành đai rau xanh sạch thuộc huyện Thuận An, Thị xã Thủ Dầu Một, vùng mía nguyên liệu chuyên canh ven sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Ổn định diện tích và đưa giống lúa chất lượng cao vào vùng lúa nước thuộc Tân Uyên và Bến Cát đồng thời chuyển một số diện tích lúa một vụ sang cây trồng khác có hiệu quả hơn, chú ý phát triển cây thuốc lá ở Tân Uyên để nâng cao giá trị thu nhập xây dựng mô hình nông thôn mới bao gồm: xã Bạch Đăng, xã Vĩnh Tân (Tân Uyên), xã Tân Bình, xã An Sơn (Thuận An).

Tính đến hết năm 2001, toàn tỉnh có 57.152 ha cây trồng hàng năm, 145.081 ha cây trồng lâu năm, gần 1.800 trang trại các loại. Trong đó, những loại cây trồng chính của Bình Dương là cây cao su (69.550 ha), điều (12.883 ha). Như vậy, so với năm 1997, cây cao su tăng 2.695 ha, cây ăn trái tăng 3.303 ha.

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG (1997-2001)

DVT:Ha

	Tổng số	Cây hàng năm			Cây lâu năm		
		Tổng số	Cây lương thực	Cây công nghiệp	Tổng số	Cây công nghiệp lâu năm	Cây ăn quả
1997	200.763	56.191	32.934	13.230	144.572	102.783	5.708
1998	203.967	57.978	33.618	13.342	145.989	107.828	6.620
1999	206.074	59.080	36.141	13.052	146.94	108.441	7.087
2000	201.896	58.030	26.144	11.463	143.866	110.184	7.844
2001	202.233	57.152	25.506	11.614	145.081	112.116	9.220

Nguồn: Cục Thống kê

Nhờ định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp đúng đắn, sự chuyển dịch cơ cấu hợp lý trong toàn ngành kinh tế nên sản xuất nông lâm nghiệp tiến bộ hơn trước. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chủ yếu đều tăng. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được đẩy mạnh, đặc biệt là có sự chuyển đổi sang chăn nuôi công nghiệp, đàn gia súc gia cầm tăng trưởng khá mạnh cả về số lượng và chất lượng. Cùng với phát triển chăn nuôi bò sữa, nhiều vật nuôi mới tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá như : ếch, baba, cá sấu...

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ GIA CẦM (1997-2001)

DVT: nghìn con

	Trâu	Bò	Lợn	Ngựa	Dê	Gia cầm
1997	18.855	28.937	91.495	32	1.223	1.168.937
1998	18.336	28.951	118.202	30	1.877	2.327.599

1999	18.045	28.958	135.144	31	1.894	2.269.107
2000	16.663	27.128	178.894	29	2.395	2.224.860
2001	15.813	27.761	222.757	24	2.542	2.284.518

Nguồn: Cục Thống kê

Chăn nuôi công nghiệp tập trung với quy mô lớn phát triển khá nhanh, năm 2000 tỉnh có 114 trang trại và hai đơn vị đối tác nước ngoài tham gia vào lĩnh vực chăn nuôi. Đàn heo tăng chủ yếu ở các trại chăn nuôi tập trung 100% vốn nước ngoài như công ty Nông lâm Đài Loan, công ty Đài Việt. Nhiều hộ chăn nuôi heo tư nhân có quy mô từ 100-500 con/ trại đã hình thành và phát triển. Sản phẩm chăn nuôi đã trở thành ngành sản xuất hàng hóa đang được đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp ra thị trường và đem lại một nguồn thu nhập không nhỏ cho nông dân.

Về thủy sản, tỉnh có tiềm năng khá lớn với diện tích mặt hồ ước gần 2000 ha và hệ thống sông ngòi khá phong phú. Dù thế, ở Bình Dương công tác nuôi trồng thủy sản kém phát triển, chủ yếu tập trung ở các hộ gia đình với quy mô nhỏ, lẻ vài trăm mét vuông ở các vùng ngập trũng. Do không được đầu tư thỏa đáng, không được áp dụng khoa học, công nghệ tiến bộ vào nuôi trồng thủy sản, trang thiết bị và phương pháp nuôi lạc hậu nên thu nhập thấp. Đứng trước thực trạng đó Ủy Ban nhân tỉnh đã chỉ đạo cho ngành nông nghiệp phối hợp với Khoa Thủy sản Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đề án “Chương trình phát triển thủy sản Bình Dương” nhằm xây dựng các dự án nuôi trồng phát triển thủy sản khả thi, để thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển thủy sản, bảo vệ nguồn lợi và bảo tồn sự đa dạng sinh học về thủy sản trên địa bàn tỉnh.

**DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN PHÂN THEO
HUYỆN 1997-2001**

ĐVT: Ha

	1997	1998	1999	2000	2001
Tổng số	192	199	203	205	224
Huyện Bến Cát	20	21	23	24	21
Huyện Tân Uyên	60	63	64	65	95
Huyện Dĩ An	46	46	44	44	42

Nguồn: Cục Thống kê

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, thủy lợi được chú trọng đặc biệt, đã có 43 công trình thủy lợi được xây dựng gồm: 2 hệ thống đê bao do Bộ thủy lợi đầu tư là Tân An – Chánh Mỹ và An Tây – Phú An, 3 hồ chứa nước, 12 đập dâng, 12 cản, 9 trạm bơm, 5 công trình tiêu thoát nước, ngoài việc ngăn ngập úng do ảnh hưởng triều cường và xả lũ hồ Dầu Tiếng, các đê bao còn góp phần trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng hiệu quả sản xuất, diện tích cây trồng được chủ động tưới tiêu đạt 35.450 ha. Để nâng cao hiệu quả sử dụng công trình, ngành thủy lợi đã phân cấp cho huyện quản lý 33 công trình gồm đập dâng, cản và trạm bơm, đồng thời ngành đã triển khai xây dựng dự án kiên cố hóa kênh mương ở 7 huyện thị với tổng số vốn đầu tư là 53,5 tỷ đồng, do đó các xã ven sông Đồng Nai từ Lạc An đến Thái Hòa đã được tưới chủ động. Các xã ven sông Sài Gòn từ An Tây, Phú An, Tân An Chánh Mỹ đã có hơn 30 km bờ bao được hình thành giúp cho nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đã triển khai dự án bờ bao An Sơn – Lái Thiêu với chiều dài hơn 20 km, bảo vệ cho hơn 2.000 ha đất nông nghiệp trong đó có hơn 1.000 ha cây ăn trái đặc sản của tỉnh.

Các công trình thủy lợi ra đời đã thực sự góp phần quan trọng vào việc tận dụng đất trồng trọt, đa dạng hoá và chuyên đổi cây trồng... đặc biệt là việc chuyển hoá các vùng sản xuất. Do đó các vùng chuyên canh lớn lần lượt ra đời, điển hình như vùng lúa năng suất cao (dọc sông Sài Gòn, sông Thị Tính và sông Đồng Nai), vùng trồng cây cao su, điều như (Dầu Tiếng, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo), mía, đậu phộng (Phú Giáo, Tân Uyên), vùng trồng rau, cây ăn quả như (Thuận An, Thị Xã). Giá trị ngành trồng trọt từ năm 1996 trở đi tăng liên tục ở mức cao, kể cả ngành trồng trọt làm nguyên liệu cho công nghiệp và chế biến nông sản. xuất khẩu.

Cùng với ngành trồng trọt và chăn nuôi, lâm nghiệp cũng chuyên đổi theo hướng: “Tập trung đầu tư theo chương trình, dự án khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ. Phấn đấu đến năm 2000 nâng tỉ lệ che phủ thảm thực vật trên toàn tỉnh lên 65-70% kể cả rừng và cây dài ngày. Giải quyết phúc lợi xã hội cho các hộ lâm nghiệp, đặc biệt là đồng bào dân tộc; gồm kinh tế tư nhân, hộ gia đình với hoạt động của kinh tế quốc doanh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các dự án xã hội lâm nghiệp, định canh định cư để giữ và phát triển vốn rừng.”

Thực hiện nghị quyết lần thứ VI của Đảng bộ Bình Dương, lâm nghiệp Bình Dương đã có sự chuyển biến, từ chủ yếu dựa vào các đơn vị quốc doanh khai thác rừng, đã chuyển sang quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng. Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành giao đất cho tập thể, hộ cá nhân trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc theo các dự án của Trung ương và Tỉnh phê duyệt, từng bước gắn việc bảo vệ, phát triển và quản lý vốn rừng.

Sau ngày tách Tỉnh diện tích đất lâm nghiệp của Bình Dương là 12.791 ha trong đó diện tích rừng tự nhiên 4.384 ha và rừng trồng là 8.407 ha . Từ 1997-2000, công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được các cấp ủy, các ngành, các

địa phương quan tâm. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy đã tác động rất mạnh mẽ đến việc trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong tỉnh. Phong trào sản xuất lâm nghiệp và làm trang trại giai đoạn 1997-2000 phát triển rất rầm rộ. Các phong trào “Phủ xanh đất trống đồi trọc”, phong trào xây dựng mô hình VACR, làm “kinh tế trang trại”... đã được nhân dân đầu tư xây dựng 1.725 trang trại chủ yếu là cây dài ngày với tổng diện tích 17.259 ha, vốn đầu tư trên 286 tỷ đồng trong đó diện tích rừng là 6,517 ha chiếm 61,97 % độ che phủ đạt 44,5%.

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THEO GIÁ HIỆN HÀNH NGÀNH LÂM NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN (1997-2001)**

ĐVT: triệu đồng

	1997	1998	1999	2000	2001
Tổng số	39.695	40.219	41.657	42.933	46.854
*Trồng và nuôi rừng	775	1.453	2.346	2.147	2.830
-Trồng rừng tập trung	237	614	865	358	933
-Trồng cây phân tán	335	632	869	1.028	1.193
-Chăm sóc rừng	201	147	424	527	503
-Tu bổ rừng	2	60	188	234	201

Nguồn: Cục Thống kê

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo cho ngành địa chính tiến hành đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trong tỉnh. Đến năm 2000 tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho 121.964 hộ. Trong đó hộ sử dụng đất nông nghiệp là 13.075 hộ đạt tỉ lệ 93,04% tổng số hộ trong toàn tỉnh.

Tính đến năm 2001, ngành nông nghiệp Bình Dương đã thu hút được 297 doanh nghiệp ngoài quốc doanh với tổng vốn đầu tư 9.220 tỷ đồng, trong đó khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 574 triệu USD. Các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào ngành nông nghiệp, cụ thể trong ngành chăn nuôi phải kể đến công ty Nông Lâm Đài Loan (vốn đầu tư 52 triệu USD); Công ty Nông sản Đài Việt (vốn đầu tư 12,3 triệu USD)

Những thành quả về nông - lâm - nghiệp từ 1997-2001 khẳng định những chủ trương của tỉnh là hoàn toàn đúng đắn, vận dụng linh hoạt các Nghị quyết của Trung ương vào hoàn cảnh cụ thể của Bình Dương; khẳng định sự chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của cấp ủy và chính quyền trong tỉnh; khẳng định tinh thần lao động cần cù và ý thức tự lực, tự cường của nhân dân trong tỉnh, góp phần đáng kể vào việc thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn.

Thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế hộ gia đình được công nhận và ngày càng phát triển. Chính sự phát triển của kinh tế hộ gia đình đã xuất hiện nhu cầu hợp tác xã với các hình thức và qui mô rất phong phú, đa dạng như các tổ chức tự nguyện của nông dân, đến năm 2000 đã có 1.578 tổ hợp tác với hình thức đơn giản (tổ vận đổi công, tổ trợ vốn, tổ tín chấp, tổ trồng trọt, tổ chăn nuôi) hoặc tổ dịch vụ nông nghiệp, câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ chăn nuôi heo, bò sữa... thu hút trên 2000 người tham gia. Về nội dung hoạt động: cùng nhau góp vốn, sức lao động để thực hiện một số khâu dịch vụ trong nông thôn, nông nghiệp, giúp đỡ nhau nâng cao kiến thức khoa học – kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất; kinh doanh, tín chấp để vay vốn từ các chương trình tạo việc làm và phát triển của các tổ chức đoàn thể. Nhìn chung, hoạt động của các tổ nhóm hợp tác xã trong các lĩnh vực trên đều mang tính tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Trên thực tế sự hợp tác đó đã tạo nên sức mạnh cho kinh tế hộ gia đình, được quản

chúng ủng hộ. Sự hợp tác này là bước “quá độ” rất cần thiết để nông dân tập làm quen với mô hình quản lý mới, tạo tiền đề cho việc tổ chức các hình thức toàn diện bởi các hợp tác xã trong tương lai.

Cùng với việc hình thành các vùng chuyên canh, kinh tế trang trại ở Bình Dương đã góp phần lớn trong việc khai thác một cách tốt nhất những tiềm năng thế mạnh của tỉnh về đất đai, lao động, vốn, kỹ thuật vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội; tác động thay đổi cơ cấu kinh tế ngành và cơ cấu kinh tế vùng, góp phần phá bỏ thế độc canh và sản xuất tự cung tự cấp, kích thích nền kinh tế hàng hóa hoạt động, tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Là động lực thúc đẩy cho việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã; làm thay đổi cách quản lý theo kiểu cũ, tổ chức các hình thức hợp tác liên doanh hẹp trong thân tộc, thay đổi một số tập quán canh tác lạc hậu khá hiệu quả; tác động tích cực về mặt xã hội: thu hút và điều tiết lao động nông nghiệp trong vùng, giải quyết công ăn việc làm cho 22.216 lao động, góp phần làm giảm sức ép dân số cho các vùng đô thị, tạo thu nhập cho nhiều hộ nông dân nghèo, tạo nên nhiều tiền đề vững chắc để phát triển xã hội nông thôn ở tỉnh. Ở mỗi địa phương trong tỉnh xuất hiện ngày càng nhiều trang trại sản xuất, kinh doanh giỏi, tinh thần hợp tác kinh tế giữa các chủ trang trại được phát triển. Một số trang trại tự nguyện thành lập hợp tác xã (HTX) như mô hình hợp tác xã Tân Trường (Bến Cát) với 61 chủ trang trại, quản lý hơn 412 ha cây ăn trái. Với hoạt động của HTX đã giúp các thành viên đưa các loại giống cây ăn trái có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Công tác bảo quản, chế biến tiêu thụ sản phẩm được HTX lo, nhờ đó các thành viên yên tâm đầu tư sản xuất, thu nhập của các thành viên cũng cao hơn nhiều so với khi chưa vào HTX. Năm

2000, HTX tiêu thụ hơn 27 tấn trái cây (có 17 tấn xuất khẩu), năm 2001 tiêu thụ hơn 500 tấn (nội địa và xuất khẩu).

Kinh tế tư nhân, cá thể phát triển mạnh trong nông nghiệp. Từ khi thực hiện Luật Doanh nghiệp (1990-1998) có 204 doanh nghiệp tư nhân ra đời. Từ năm 1998-2000 tăng lên 229 doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập, toàn tỉnh hiện có 1.251 doanh nghiệp với tổng số vốn đầu tư 4.600 tỷ đồng. Năm 2000, toàn tỉnh có 2723 hộ kinh doanh cá thể tham gia vào các ngành truyền thống như: Gốm sứ, sơn mài, tăm nhang, hàng thủ công mỹ nghệ... Kinh tế tư nhân và cá thể đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương, chủ yếu phát triển mạnh ở các ngành: xây dựng, dịch vụ thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Đặc biệt, từ khi thực hiện Luật đầu tư nước ngoài, năm 2000 đã có 64.350 triệu USD đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đóng góp rất quan trọng cho kinh tế nông nghiệp phát triển. Các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp có bước tăng trưởng với nhịp độ cao đã tạo điều kiện cho kinh tế đối ngoại, thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch, dịch vụ, đầu tư nước ngoài sôi nổi hơn.

II. Giai đoạn từ 2001 -2007

1. Chủ trương mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn

Trong 10 năm (1990 - 2000) nông nghiệp, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, cơ bản đã trở thành nền sản xuất hàng hóa với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,2%/năm, bảo đảm lương thực quốc gia, một số mặt hàng xuất khẩu có thị phần khá lớn trong khu vực và trên thế giới, đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 330kg (1990) lên 360kg (1995) và 444kg (2000), tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn cũng giảm đi đáng kể từ 29% năm 1990 xuống còn 11% năm 2000, xuất khẩu gạo đứng thứ 2

trên thế giới... Thành tựu lớn nhất là trong một thời gian không dài, từ một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc đã vươn lên thành một nền nông nghiệp với những ngành sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh ngày càng mạnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp, nước ta vẫn còn nhiều yếu kém: Sản xuất vẫn mang tính chất thuần nông, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, phát triển chưa bền vững, thiếu thị trường tiêu thụ hàng hóa...

Bước sang thế kỷ XXI, Đại hội IX của Đảng (4 - 2001) và Đại hội X của Đảng (4 - 2006), đường lối, chiến lược phát triển kinh tế, trong đó nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đặc biệt. “Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn, phù hợp với nhu cầu, thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động, tạo việc làm thu hút nhiều lao động nông thôn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp... phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn” [30, tr.171].

Trước yêu cầu phải rút ngắn thời gian tiến hành CNH, HĐH so với các nước đi trước, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đại hội chủ trương phải ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng XHCN, tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Đồng thời Đại hội cũng chỉ rõ những định hướng lớn về chính sách để thực hiện nhiệm vụ này đến năm 2010.

Với quyết tâm phải đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, ngày 28-02-2001, Bộ chính trị

ban hành Chỉ thị 63-CT/TW về *“Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn”*.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) (3-2002) đã ra 3 nghị quyết quan trọng liên quan trực tiếp đến nông nghiệp và nông thôn. Đó là các nghị quyết: *“Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010”*; *“Tiếp tục đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể”* và *“Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”*.

Về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, Nghị quyết xác định: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, đưa thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm vào lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỉ trọng sản phẩm vào lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, công bằng, văn minh không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân ở nông thôn [44, tr.93-94].

Như vậy, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã đưa ra quan niệm tổng quát về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; nhiệm vụ của CNH, HĐH nông nghiệp và nhiệm vụ CNH, HĐH nông thôn có quan hệ chặt chẽ với nhau, hòa

quyện vào nhau, tác động lẫn nhau trong quá trình phát triển. Vì thế, đặt ra vấn đề cho các cấp lãnh đạo, không được tách rời từng nội dung mà phải luôn luôn gắn kết trong một thể thống nhất trong quá trình chỉ đạo thực tiễn.

Từ thực tiễn của đất nước ta, từ đường lối CNH, HĐH đất nước đã được Đảng nêu ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) và các đại hội VIII, IX, X, từ kinh nghiệm được rút ra sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, từ kinh nghiệm của các nước, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 (khóa IX) đã làm rõ hơn nữa những quan điểm của Đảng về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới:

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển công nghiệp, dịch vụ phải gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ đắc lực và phục vụ có hiệu quả cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Hai là, ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, chú trọng phát huy nguồn lực con người, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng gắn với thị trường để sản xuất hàng hóa quy mô lớn với chất lượng và hiệu quả cao, bảo vệ môi trường, phòng chống, hạn chế, giảm nhẹ thiên tai, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Ba là, dựa vào nội lực là chính đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc, phát triển mạnh mẽ kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ các vấn đề kinh tế và xã hội trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nhằm giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của người dân nông thôn, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục.

Năm là, kết hợp chặt chẽ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương...[44, tr.3-5]

Những quan điểm chỉ đạo trên của Đảng và Nhà nước không chỉ bảo đảm cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững mà còn góp phần quan trọng cho sự phát triển hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa kinh tế và xã hội, an ninh, quốc phòng, môi trường, tăng cường khối liên minh công nhân - nông dân và đội ngũ trí thức, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, bảo đảm cho nước ta phát triển nhanh, bền vững theo định hướng XHCN.

2. Sự vận dụng chủ trương đường lối mới về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở Bình Dương (2001-2007)

Trên cơ sở quán triệt và vận dụng những chủ trương, chính sách chung của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Bình Dương tiếp tục có những chính sách, chương trình hành động cụ thể để phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng đời sống nông thôn ngày càng văn minh, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương.

Đảng bộ đề ra các chính sách và giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho nhiệm kỳ 2001 - 2005 và những năm tiếp theo là:

Xem xét lại quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, điều chỉnh, bổ sung cơ cấu sản xuất theo hướng lấy hiệu quả kinh tế trên đơn vị sản xuất để làm thước đo tốc độ phát triển kinh tế, mạnh dạn thay đổi cây trồng, vật nuôi trên từng địa bàn cụ thể, bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất và bền vững, trên cơ sở đó xác định và tiến hành chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, chú ý gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- **Về trồng trọt:**

Phát triển trồng trọt theo hướng tăng dần cơ cấu các cây công nghiệp dài ngày, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu. Tiếp tục tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển theo quy hoạch; góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị và hiệu quả cao.

Nhà nước đầu tư cho công tác khuyến nông thông qua việc tổ chức các câu lạc bộ khuyến nông, gắn địa bàn sản xuất của hộ nông dân và trang trại theo quy hoạch vùng chuyên canh, ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học, giống mới cây trồng, vật nuôi và kỹ thuật canh tác hiện đại phục vụ đại trà cho nông dân.

Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả quỹ đất; đảm bảo các hộ nông dân đều có đất sản xuất

Khuyến khích nhân dân trồng mới cây cao su, đồng thời thâm canh diện tích cao su hiện có. Tập trung phát triển ở hai công ty cao su Dầu Tiếng, Phước Hoà và các xã của bốn huyện Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo, Dầu Tiếng. Triển

khai diện tích trồng mới cây điều có năng suất cao, cải tạo 15000 ha theo dự án được duyệt, tập trung phát triển ở các xã của bốn huyện Dầu Tiếng, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo. Phát triển cây tiêu ở những vùng có điều kiện thích hợp. Tập trung phát triển vành đai rau xanh, sạch ở một số vùng của Thuận An, Thị Xã, Dĩ An, phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị.

Tiếp tục kêu gọi thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đầu tư các cơ sở chế biến nông sản nhất là đầu tư vào các nhà máy chế biến nông sản ở các huyện phía Bắc của Tỉnh, từng bước gắn nguồn nguyên liệu tại chỗ với công nghiệp chế biến nông sản góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển và ngược lại.

- **Về chăn nuôi:**

Phát triển đa dạng theo mô hình lớn và vừa gắn với nền kinh tế hộ, Phát triển mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục đưa các giống vật nuôi như bò lai sind, bò sữa, heo nạc... vào sản xuất. Phát triển đàn bò sữa ở hai huyện Bến Cát và Tân Uyên, tiếp tục thực hiện chương trình phát triển đàn bò thịt và sinh sản ở tất cả các huyện, thị; trong đó tập trung các huyện phía Bắc của Tỉnh, tiếp tục phát triển đàn heo và gia cầm, tuy nhiên cần quản lý chặt về quy hoạch, hạn chế ô nhiễm môi trường và phòng chống dịch bệnh. Quy hoạch vùng an toàn dịch bệnh đạt tiêu chuẩn ngành thú y.

- **Về dịch vụ nông nghiệp:**

Khuyến khích mở rộng các ngành nghề, dịch vụ sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp, tạo các điều kiện để chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác. Có chính sách ưu đãi khuyến khích các thành phần kinh tế, nông dân vay vốn để mở rộng các dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Phần đầu tỷ trọng lao động nông nghiệp còn 45% vào 2005 [54.tr42].

- **Về công tác thủy lợi:**

Khai thác sử dụng tốt các công trình thủy lợi hiện có, thực hiện tốt đền bù giải toả để thi công bờ bao ven sông Sài Gòn và hồ thủy lợi Phước Hoà. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp mở các dịch vụ phục vụ nông nghiệp, gắn sản xuất chế biến với thị trường trong nước và xuất khẩu, đảm bảo tiêu thụ hàng nông sản.

- **Về lâm nghiệp:**

Triển khai đề án tổng quan lâm nghiệp. Thực hiện dự án phát triển rừng với quy mô 19.633 ha và dự án cải tạo 13.400 ha điều năng suất cao. Bảo vệ, chăm sóc tốt rừng trồng và đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân. Phần đầu đưa tỷ lệ che phủ toàn tỉnh năm 2005 lên trên 50%.. Kết quả là rừng tái sinh, thảm thực vật nhân tạo đang phát triển dần thay thế rừng xưa.

Đảng bộ khẳng định: Đề khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH thì cần thiết phải triển khai thực hiện một số chương trình cụ thể như:

- *Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp*, ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, sử dụng phân bón vi phân trong canh tác trồng trọt, đa dạng hóa nguồn thức ăn chăn nuôi tận dụng nguyên liệu tại địa phương, cải thiện môi trường thiên nhiên,...

- *Chương trình ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nông thôn* như: Dịch vụ kỹ thuật cây trồng, vật nuôi, tài chính, cơ khí nông thôn, cung ứng điện năng, vận tải, thông tin liên lạc, y tế, văn hoá...

Vận dụng sáng tạo quan điểm của Đảng, kịp thời đề ra những giải pháp phù hợp với điều kiện của tỉnh, Đảng bộ quyết tâm tạo nên sự biến đổi sâu sắc về mọi mặt của nông nghiệp, nông thôn Bình Dương trong những năm 2001 - 2010. Để đạt được tốc độ cao và bền vững, ngành nông nghiệp phát triển theo hướng: Tập trung phát triển cây con có hiệu quả, phù hợp với điều kiện sinh thái, điều kiện tự nhiên của tỉnh nhằm nâng cao năng suất sinh học, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Xây dựng ngành nông nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, sạch hơn đáp ứng tiêu dùng trong Tỉnh và Thành phố Hồ Chí Minh; có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như ngoài nước và nâng cao tỷ trọng hàng hoá xuất khẩu. Phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, đồng thời đảm bảo an toàn thực phẩm kết hợp với quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Thực hiện mục tiêu đề ra, Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành chức năng, các địa phương khuyến cáo, hướng dẫn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nông dân tập trung thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa cây trồng và sử dụng các loại giống có giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ, giảm chi phí đầu vào để hạch toán có lãi. Thực hiện Chỉ thị 63-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, Đảng bộ luôn quan tâm đẩy mạnh công tác khuyến nông, thông qua việc tổ chức các câu lạc bộ khuyến nông, gắn địa bàn sản xuất của hộ nông dân và trang trại theo quy hoạch vùng chuyên canh, khai thác sử dụng tốt các công trình thủy lợi hiện có, thực hiện tốt đền bù, giải toả để thi công bờ bao ven sông Sài Gòn và hồ thủy lợi Phước Hoà. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp mở các dịch vụ phục vụ nông nghiệp, có chính sách ưu đãi khuyến khích các thành phần kinh tế, nông dân vay vốn để mở rộng các hoạt

động dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế hộ nông dân tự chủ, mở rộng hộ sản xuất hàng hoá; hướng dẫn, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các tổ hợp tác, củng cố tổ hợp tác đã có, nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ, sản xuất kinh doanh, mở các ngành nghề để thu hút lao động, tăng thu nhập cho xã viên và HTX. Chú trọng xây dựng và phát triển hợp tác xã ở các vùng sản xuất hàng hoá tập trung. Có chính sách hỗ trợ cụ thể, tạo điều kiện để phát triển mô hình HTX đầu tư khoa học kỹ thuật, phát triển theo chiều sâu như HTX chuyên trồng rau, củ, quả an toàn, chăn nuôi bò sữa hoặc chế biến sữa, chế biến nông sản thực phẩm...

Tỉnh cũng tổ chức xây dựng và nhân rộng những mô hình cánh đồng sản xuất có giá trị đạt trên 50 triệu đồng/ha/năm, hộ nông dân có thu nhập đạt và vượt mức 50 triệu đồng/năm; triển khai xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao ở HTX Tân Ba (huyện Tân Uyên), xã An Điền (huyện Bến Cát)... nhằm nâng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cho nông dân. Làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư phổ biến nhân rộng các kiến thức KHKT và phương thức làm ăn mới trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt cho nông dân. Xây dựng chương trình hỗ trợ lãi suất cho hộ nông dân, trang trại, tổ hợp tác và hợp tác xã vay vốn mua hoặc mua trả chậm máy móc thiết bị của các cơ sở trong nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng mô hình bảo quản nông sản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Có kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cho phát triển du lịch sinh thái nhà vườn, có chương trình hỗ trợ xoá đói giảm nghèo và chống tái nghèo ở vùng nông thôn..

3. Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Bình Dương (2001-2007).

Bình Dương kế thừa và phát huy các thành quả đạt được, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, kinh tế liên tục phát triển. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 6,2%, trong đó nông nghiệp tăng 6,1%, lâm nghiệp tăng 4,8% và ngư nghiệp tăng 8%. Ngành chăn nuôi có khó khăn nhưng vẫn tiếp tục khẳng định là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh, bình quân hàng năm tăng 13,7%, từng bước tăng tỷ trọng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

3.1 Trên lĩnh vực trồng trọt:

Công việc đầu tiên nhằm phục vụ cho phát triển một nền nông nghiệp bền vững, vấn đề xây dựng các công trình thủy lợi được các cấp chính quyền đặc biệt chú trọng. Ngân sách đã đầu tư 119 tỉ 301 triệu đồng để xây mới và tu sửa các công trình thủy lợi (55 công trình) đưa diện tích tưới lên 35.555 ha và diện tích tiêu thoát nước 12.500 ha, tăng 1,87% đến 67,78% so năm 2001. Các công trình thủy lợi ra đời đã thực sự góp phần quan trọng vào việc tận dụng đất trồng trọt, đa dạng hoá và chuyển đổi cây trồng... đặc biệt là việc chuyển hoá các vùng sản xuất. Do đó các vùng chuyên canh lớn lần lượt ra đời, điển hình như vùng lúa năng suất cao (dọc sông Sài Gòn, sông Thị Tính và sông Đồng Nai), cao su, điều (Dầu Tiếng Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo), mía, đậu phộng (Phú Giáo, Tân Uyên), rau, cây ăn quả (Thuận An, Thị Xã).Giá trị ngành trồng trọt từ năm 2001 trở đi tăng liên tục ở mức cao, kể cả ngành trồng trọt làm nguyên liệu cho công nghiệp và chế biến nông sản xuất khẩu.

Trong trồng trọt, xu hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ cây lương thực sang các cây trồng khác như cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm từng bước

khẳng định là cây thế mạnh của tỉnh, một số vùng chuyên canh cây trồng như cao-su, cây ăn trái đặc sản, rau màu phát triển ổn định. Năm 2003 so với năm 1996, diện tích cao-su tăng 34%, cà-phê tăng 4,4 lần; hồ tiêu tăng 5 lần, trong khi đó diện tích lúa giảm 8%.

Tính đến cuối năm 2007, cây điều trồng được 10.039 ha, sản lượng đạt 3.252 tấn, cây ăn quả các loại trồng được khoảng 8.299ha; cây tiêu đạt 667 ha. Đặc biệt là, các loại cây trồng được quy hoạch thành các vùng chuyên canh có quy mô lớn như: cây cao su ở huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo; cây ăn quả vùng gò thuộc huyện Bến Cát; bưởi ở Tân Uyên, vườn cây ăn trái Lái Thiêu. Ngoài ra, tỉnh Bình Dương cũng quy hoạch được vùng trồng rau thực phẩm sạch ở Thủ Dầu Một, Tân Uyên nhằm cung cấp rau sạch cho toàn tỉnh và các khu công nghiệp tập trung. Ngoài các loại cây truyền thống, bước đầu tỉnh đã hình thành và phát triển vùng trồng hoa kiểng trên địa bàn thị xã Thủ Dầu Một, huyện Thuận An và Dĩ An với diện tích 93 ha, tăng gấp 4 lần so với năm 2001. Kết hợp với các biện pháp kỹ thuật tiên tiến đã giúp năng suất cây trồng tăng từ 8 đến 15% so với năm 2001. Việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã mang lại cho ngành nông nghiệp Bình Dương nhiều kết quả trong phát triển; xuất hiện nhiều mô hình đạt giá trị trên 50 triệu đồng/ha/năm như mô hình sản xuất rau màu nhiều vụ/ năm đạt 100 đến 150 triệu đồng/ha/năm; mô hình trồng bưởi đạt 100 đến 200 triệu đồng/ha/năm; mô hình chăn nuôi heo nái và heo thịt (quy mô từ 20 nái và 100 heo thịt trở lên), đạt 300 đến 500 triệu đồng/năm... Cụ thể như cánh đồng trồng rau màu xã Bình Chuẩn (huyện Thuận An) đạt 60 triệu đồng/ha/năm; cánh đồng trồng rau xã Chánh Mỹ và Suối Cát (thị xã Thủ Dầu Một) đạt 148 triệu đến 300 triệu đồng/ha/năm; cánh đồng trồng hành xã Thạnh Phước (huyện Tân Uyên) đạt 60 triệu đến 100 triệu

đồng/ha/năm. HTX Tân trường (Bến Cát) trồng cây ăn quả đạt 57 triệu đồng/ha/năm...

Lâm nghiệp có sự chuyển biến mạnh từ chỗ do dựa vào các đơn vị quốc doanh khai thác rừng, nay đã chuyển sang quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng. Các chính sách giao đất, giao rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chương trình 327, chương trình 5 triệu ha rừng được triển khai tốt. Với chương trình 661 của Chính phủ, ngành nông nghiệp đã được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thẩm định đề án tổng quan lâm nghiệp với tổng vốn đầu tư là 27 tỷ 232 triệu đồng, bao gồm các nội dung: Quản lý bảo vệ 11.790 ha rừng sản xuất và phòng hộ; trồng rừng tập trung 3.602 ha, khoanh nuôi tái sinh 1.693 ha và trồng 3,3 triệu cây phân tán. Dù hàng năm, ở Bình Dương vẫn còn xảy ra tình trạng cháy rừng, đốt rừng, chặt phá rừng bất hợp pháp, nhưng với sự nỗ lực của ngành chức năng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và phòng chống cháy rừng nên diện tích rừng bị cháy, bị chặt phá giảm đáng kể. Năm 2007 đã thực hiện chăm sóc rừng trồng được 414,32 ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó chăm sóc rừng trồng vốn ngân sách là 299,32 ha; trồng cây phân tán được 793.493 cây lâm nghiệp (tương đương 315,3 ha). Cơ chế công, nông, lâm kết hợp ở Bình Dương đã phát huy hiệu quả đất rừng. Từ chỗ chỉ biết khai thác rừng, đến trồng và cải tạo rừng, Bình Dương đang đi vào hướng công nghiệp rừng. Nhiều nông, lâm trường của Trung ương, của tỉnh đã cho ra đời những thảm rừng nhân tạo: rừng cao su, cà phê, vườn tiêu, vườn điều... trả lại màu xanh tươi, độ phì nhiêu cho đất tạo cân bằng sinh thái cho tự nhiên, xã hội.

3.2 Trên lĩnh vực chăn nuôi:

Cũng giống như trồng trọt, mô hình chăn nuôi công nghiệp tập trung theo lối trang trại với quy mô lớn phát triển khá nhanh ở Bình Dương. Loại hình trang

trại chăn nuôi chiếm 0,7% tập trung chủ yếu ở các huyện Thuận An, Dĩ An, Thị xã Thủ Dầu Một. Bình quân một trang trại chăn nuôi có từ 100 – 500 đầu gia súc; mức đầu tư bình quân cho một trang trại có là 262,6 triệu đồng/năm; lao động bình quân sử dụng cho một trang trại là 5,4 người. Song song với quá trình tăng trưởng chăn nuôi, tỉnh đã xây dựng được nhiều cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, tạo nên quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm khép kín, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo đảm về chất lượng hàng hóa. Các dự án bò sữa, bò thịt lai... cũng đang có những bước thành công rõ rệt. Trong tương lai, những sản phẩm gia súc của tỉnh không chỉ cung cấp cho thị trường trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài.

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ GIA CẦM (2001-2007)

ĐVT: nghìn con

	Trâu	Bò	Lợn	Ngựa	Dê	Gia cầm
2001	15.813	27.761	222.757	24	2.542	2.284.581
2003	16.395	29.880	268.997	21	3.959	2.414.677
2005	15.706	35.691	291.666	12	6.300	1.720.697
2006	11.196	44.408	298.927	12	6.421	2.022.164
2007	9.973	47.268	306.044	9	6.241	2.057.577

Nguồn Cục Thống kê

Phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, trước hết trong ngành chăn nuôi, việc nuôi trâu, bò đã chuyển từ chăn nuôi để sử dụng sức kéo sang chăn nuôi lấy thịt và sữa. Đã có 70% gia súc và 90% gia cầm được nuôi theo hướng công nghiệp với nhiều doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi với qui mô vừa và lớn phát triển tương đối nhanh như: Công ty Nông lâm Đài Loan, Công ty TNHH Đài Việt, Công ty Kim Long, Công ty TNHH Phong San... với

qui mô nuôi từ 8.500 con tới 98.000 con. Công ty CP Việt Nam hợp đồng với dân nuôi gia công trên 1 triệu gia cầm. Có 90% đàn gà và 100% heo nuôi công nghiệp bằng giống mới với kỹ thuật xây dựng chuồng trại hiện đại, phương thức nuôi thức ăn công nghiệp, phòng trị bệnh tốt nên đạt hiệu quả kinh tế cao. Trong năm 2007 có nhiều yếu tố không thuận lợi cho chăn nuôi như: dịch bệnh Lở mồm long móng đã xảy ra cục bộ trên đàn gia súc; giá thức ăn chăn nuôi tăng cao... nhưng nhờ không chế kịp thời dịch, bệnh không dễ lây lan trên diện rộng, dịch cúm gia cầm tiếp tục được kiểm soát tốt, giá tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi giữ ở mức đảm bảo cho người chăn nuôi sản xuất có hiệu quả... đã giúp cho ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển; nhất là chăn nuôi công nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong sản xuất sản phẩm chăn nuôi .

Ngành nuôi trồng thủy sản cũng phát triển khá với diện tích nuôi trồng lên 342 ha và sản lượng khai thác nuôi trồng 2.253 tấn, tăng 52,6% và gấp 4 lần so năm 2001. Được sự khuyến khích của chính quyền và được hướng dẫn, hỗ trợ của các chuyên gia khoa học, phong trào nuôi cá lồng bè, ương nuôi và cung cấp cá giống cho nhu cầu nông dân trong và ngoài tỉnh phát triển khá mạnh. Năm 2001, toàn tỉnh chỉ có 15 lồng bè nuôi cá, đến năm 2005 đã phát triển lên 614 lồng, góp phần tăng lượng thủy sản trên địa bàn. Cơ cấu sản lượng thủy sản cũng đã có bước chuyển biến tích cực, tỷ trọng sản lượng nuôi trồng tăng từ 34,6% năm 2000 lên 83,9% vào năm 2005. Hiện nay loại hình trang trại sản xuất thủy sản đã và đang phát triển, chiếm khoảng 0,4%; diện tích nuôi trồng. Bình quân mỗi trang trại chiếm khoảng 2,08 ha; và với mức đầu tư khoảng 194 triệu đồng. Lao động sử dụng cho một trang trại bình quân khoảng 6,8 người. Để đảm bảo nghề nuôi cá bè phát triển hợp lý, bền vững tránh ảnh hưởng đến môi trường, tỉnh cũng đã tổ chức xây dựng qui hoạch nuôi cá bè trên nhánh sông Đồng Nai.

3.3 Đưa công nghiệp về nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến nông sản:

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp, tỉnh Bình Dương còn từng bước kết hợp phát triển ngành công nghiệp chế biến với các vùng nguyên liệu như cao su, hạt điều, mía đường, heo, bò, gà... để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhờ đó, người nông dân đã tìm được đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp, yên tâm sản xuất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp cũng từng bước được gia tăng. Điều quan trọng hơn, cuộc sống của người nông dân từng bước được cải thiện. Hiện nay, toàn tỉnh có hơn 500 doanh nghiệp ngoài quốc doanh làm nhiệm vụ thu mua, chế biến nông- lâm- hải sản, trong đó có hơn 130 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Từ năm 2001, tỉnh Bình Dương đã từng bước phát triển và đưa công nghiệp về các huyện phía Bắc nhằm gắn công nghiệp với các vùng nguyên liệu nông sản, nhằm thực hiện chủ trương công nghiệp hoá- hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bằng việc xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và có chính sách khuyến khích kêu gọi các nhà đầu tư. Hiện có 1.949 công ty, doanh nghiệp tư nhân đầu tư trên địa bàn nông thôn với tổng đầu tư 7.213 tỉ đồng và có 2.679 cơ sở ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông lâm nghiệp.

Đến nay các sản phẩm chính của ngành nông nghiệp Bình Dương có sản lượng lớn như cao su, điều, thịt heo, sữa, khoai mì, bắp... đều có các nhà máy chế biến đóng trên địa bàn có hệ thống thu mua như sữa bò do Công ty Dutch Lady, Công ty F&N, Vinamilk; mủ cao su do Công ty cao su Dầu Tiếng, Phước Hoà, Công ty Kim Bạch, Công ty Bécames và một số cơ sở chế biến hộ gia đình; 23 doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc tiêu thụ khoai mì, bắp; 14 nhà máy chế

biến hạt điều với các nhà máy có công suất lớn như Thanh Lễ, Thuận Kiều; Công ty TNHH Đức Thành (Deltafood) và Công ty A&B mua trái cây và củ các loại... Nhiều doanh nghiệp gắn kết với nông dân bằng nhiều hình thức, tạo thêm thuận lợi cho phát triển nông nghiệp như Công ty CP Việt Nam, Công ty Nông Lâm Đài Loan ký hợp đồng với nông dân bằng phương thức đầu tư con giống, thức ăn chăn nuôi và mua lại sản phẩm (có 700 trại gia cầm và 165 trại chăn nuôi heo theo phương thức này). Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp đầu tư phân bón mua lại sản phẩm; một số công ty chế biến thức ăn gia súc (TĂGS) đầu tư cho vay không lãi để nông dân trồng nguyên liệu TĂGS. Các Công ty Uni President, công ty TNHH phân hữu cơ HUMIX, Công ty Thiên Sinh hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt cho nông dân....Thực hiện Nghị quyết 15/NQ-TW (khoá IX), các tổ chức tín dụng cũng có cơ chế cho vay phục vụ sản xuất nông nghiệp thông thoáng hơn, hàng năm số cho vay cao hơn năm trước từ 40 đến 45%.

3.4 Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển đa dạng; chất lượng, hiệu quả ngày càng cao

Đến thời điểm này kinh tế trang trại đã khẳng định vị thế và vai trò trong cơ chế thị trường, tác động khá rõ nét trong ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, là nguồn cung cấp nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của Tỉnh. [55.tr50-51]. Qua kết quả khảo sát năm 2007, toàn tỉnh có 1.633 trang trại với tổng diện tích đất sử dụng là 18.039 ha, thu hút trên 15 ngàn lao động; tổng giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ của các trang trại tạo ra là 715 tỷ đồng. Loại trang trại mía, khoai mì có diện tích bình

quân là 8,2 ha/một trang trại, vốn đầu tư bình quân một trang trại là 101,8 triệu đồng; lao động sử dụng bình quân cho một trang trại là 15,2 người/năm. Loại trang trại cao su, điều, hồ tiêu... chiếm 73,3% tổng số trang trại hiện có; mức đầu tư bình quân là 186 triệu đồng/một trang trại; lao động sử dụng bình quân cho một trang trại là 22 người /năm. Loại hình sản xuất cây ăn quả chiếm 12,7% trang trại; quy mô bình quân diện tích là 9,31 ha /trang trại; đầu tư vốn bình quân 303 triệu đồng /trang trại; bình quân sử dụng lao động là 18 lao động /năm.

Cũng như các ngành nghề nông nghiệp khác, loại hình trang trại sản xuất lâm nghiệp cũng ra đời và chiếm 1% tổng diện tích đất lâm nghiệp. Loại hình trang trại nông- lâm nghiệp kết hợp chiếm 3,4% tổng các trang trại lâm nghiệp, tập trung nhiều ở Tân Uyên, Phú Giáo. Bình quân mỗi trang trại lâm nghiệp có 52,26 ha; sử dụng lao động bình quân đạt 29 người /năm; loại hình trang trại nông – lâm nghiệp kết hợp có quy mô bình quân là 39 ha /trang trại; sử dụng lao động bình quân là 28 người/trang trại .

Hiện nay, toàn tỉnh có 200 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong đó có 9 công ty chăn nuôi quy mô lớn như Công ty CP Việt Nam đầu tư cho nông dân nuôi heo và gà gia công... Các công ty này đã giúp tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp tiếp tục tăng, chiếm 23% trên 77% tỷ trọng trồng trọt.

Cùng với việc hình thành các vùng chuyên canh, ngành trồng trọt ở Bình Dương tiếp tục phát triển loại hình kinh tế trang trại. Toàn tỉnh có 359 trang trại có quy mô dưới 5 ha; 963 trang trại có quy mô 5-10 ha; 522 trang trại có quy mô 11-30 ha; 50 trang trại có quy mô 30 ha; 55 trang trại sản xuất cây giống. Cây trồng ở các trang trại chủ yếu là mía, khoai mì, cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn quả...

Ngoài ra tỉnh Bình Dương còn có loại hình trang trại nông nghiệp - dịch vụ kết hợp, chiếm 0,3%. Đây là loại hình trang trại vừa sản xuất vừa làm dịch vụ chế biến như đường, cao su, giống cây trồng... Chủ các trang trại này là những người có vốn, có kinh nghiệm quản lý, kinh doanh nên thu nhập của họ cao và ổn định hơn các loại mô hình trang trại khác. Loại hình trồng trọt kiểu trang trại đã giải quyết được việc làm cho hơn 20.000 lao động mỗi năm và góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng sâu – vùng xa của tỉnh.

III. Nhận xét về những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bình Dương những năm 1997 - 2007:

A. Những thành tựu chủ yếu:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Dương, nhân dân Bình Dương nói chung và nông dân Bình Dương nói riêng đã ra sức phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, thử thách, phát huy ý chí tự lực, tự cường trong quá trình thực hiện đường lối của Đảng trong phát triển nông nghiệp và đã đạt được những thành tựu quan trọng.

1- Nông nghiệp có sự chuyển dịch hợp lý trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh.

Đảng bộ xác định, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: Công nghiệp; Dịch vụ; Nông, lâm nghiệp. trong đó công nghiệp được xác định là vị trí hàng đầu, phát triển công nghiệp trên cơ sở có chọn lọc về ngành, nghề, ưu tiên đầu tư công nghiệp kỹ thuật cao, phát triển công nghiệp chế biến nông sản để thúc đẩy nông nghiệp phát triển; dịch vụ thương mại, du lịch là lĩnh vực quan trọng để tạo thu

nhập nhanh cho kinh tế Bình Dương. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ và UBND tỉnh Bình Dương, dưới sự chỉ đạo của các ngành, các cấp, đến năm 2007 cơ cấu kinh tế đạt: công nghiệp 64,4%, dịch vụ 29,2% và nông nghiệp 6,4%.

Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ phát triển khá cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích, cơ cấu kinh tế Bình Dương chuyển dịch nhanh, đúng hướng. Tỷ trọng trong GDP của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng giảm từ 23% năm 1997 xuống còn 16,9% năm 2000; 12,0% năm 2003, 8,0% năm 2005 và 6,4% năm 2007. Xu hướng này phù hợp với quy luật phát triển và điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của Bình Dương; giảm tỷ trọng của các ngành có năng suất thấp sang các ngành, lĩnh vực có năng suất cao và hiệu quả

2- Trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tích cực:

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tích cực tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm cây trồng hiệu quả thấp. Cây công nghiệp từng bước khẳng định là cây thế mạnh của tỉnh, cây cao su phát triển khá nhanh, luôn là cây chủ lực trong cơ cấu cây trồng và kinh tế của Bình Dương. Xây dựng nền nông nghiệp sạch (môi trường sạch, sản phẩm sạch) đồng thời phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cung ứng sản phẩm nông nghiệp cho đô thị.

2.1- Trồng trọt, chăn nuôi:

Chuyển dịch cơ cấu giữa hai ngành là tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi và giảm tỷ trọng trồng trọt ở những cây có năng suất thấp, để từng bước tạo một cơ

cấu sản xuất hợp lý, chuyển dịch nhanh theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi gắn với thị trường trong và ngoài nước. Từ năm 1997 đến năm 2007, cơ cấu giá trị tổng sản phẩm ngành nông nghiệp đã có sự chuyển biến đáng kể: Trồng trọt giảm tỷ trọng từ 81,1% xuống còn 71,9 % thay vào đó tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp tăng từ 16,3 % năm 1997 lên 28,1% năm 2007. Dịch vụ nông nghiệp có xu hướng tăng, từ 2,6 % năm 1997 lên 4,5 % năm 2007.

***Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp
từ năm 1997 đến năm 2007***

<i>các ngành</i>		<i>Trồng trọt</i>	<i>chăn nuôi</i>	<i>Dịch vụ</i>
1997	100%	81,1	16,3	2,6
2000	100%	78,6	19,0	2,4
2001	100%	77,8	19,9	3,3
2003	100%	73,8	22,9	2,6
2005	100%	71,7	24,1	4,2
2006	100%	71,9	24,2	4,5
2007	100%	71,9	28,1	4,5

Nguồn: Cục thống kê Bình Dương

2.2-Trong trồng trọt

Nông dân thực hiện đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích các loại cây dài ngày và giảm diện tích cây ngắn ngày để phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh, do vậy từ năm 1997 đến năm 2007, diện tích cây trồng, giữa các nhóm cây trồng đã có thay đổi đáng kể, chủ yếu là diện tích trồng lúa cho năng suất thấp giảm, tăng diện tích

cây công nghiệp (chủ yếu là cây cao su, cây ăn trái), Các tiến bộ kỹ thuật mới tiếp tục được nông dân quan tâm ứng dụng vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng nông sản, kết hợp với giá tiêu thụ nông sản trong năm tiếp tục duy trì ở mức cao đã giúp cho giá trị sản lượng ngành trồng trọt đạt 5.198,9 tỷ đồng, trong đó: giá trị sản lượng cây hàng năm đạt 659,8 tỷ đồng (chiếm 12,7%), tăng 13,7%; giá trị sản lượng cây lâu năm đạt 4.539,1 tỷ đồng (chiếm 87,3%), tăng 27%.

2.3 – Trong chăn nuôi.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhìn chung phát triển nhanh chóng, đặc biệt là có sự chuyển đổi sang chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp. Phát triển chăn nuôi đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và xuất khẩu với chất lượng cao. Xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành kinh tế hàng hóa quan trọng trong nông nghiệp nhằm cung cấp thịt, sữa cho các khu đô thị của tỉnh và tiêu thụ ngoài tỉnh, tăng thêm giá trị của sản phẩm nông nghiệp. Đẩy mạnh chăn nuôi thâm canh và bán thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo giống và mở rộng chăn nuôi công nghiệp.

2.4 - Trong lâm nghiệp:

Lâm nghiệp ở Bình Dương là một ngành quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp của tỉnh, từ năm 1997 lâm nghiệp có sự chuyển biến mạnh từ khai thác rừng sang quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng, với các chính sách giao đất, giao rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc, đất hoang hóa và đất ngập được đưa vào mục đích trồng rừng và sản xuất nông nghiệp, diện tích rừng đến năm 2007 là 12.533.62 ha, nâng tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm trên địa bàn tỉnh đạt 54,5%, tăng 6,4% so năm 2001.

3 - Công nghiệp tác động tích cực đến nông nghiệp nông thôn

Bình Dương xác định công nghiệp là khâu trung tâm có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đối với công nghiệp, hình thành nhiều ngành công nghiệp trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu trong và ngoài tỉnh, công nghiệp luôn phục vụ nông nghiệp trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật. đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp, nhờ đó mà nông nghiệp được cơ giới hóa, thích hợp với qui mô sản xuất, ngoài ra công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp trong nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông nghiệp. Tác phong công nghiệp và tính năng động thực sự được phát huy tạo ra một lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn.

Trình độ khoa học công nghệ trong sản xuất ngày càng được nâng lên, góp phần tăng năng suất. Tỷ lệ sử dụng giống mới các loại cây trồng, vật nuôi chính của tỉnh đạt 70-95%, năng suất tăng từ 5-10% chất lượng nông sản được cải thiện, 77% diện tích đất canh tác cây lâu năm đã được cơ giới hóa trong khâu làm đất, chăm sóc và 80% trang trại đầu tư hệ thống phục vụ chăn nuôi tự động và bán tự động.

3.1- Công nghiệp về nông thôn, phát triển nông nghiệp

Bình Dương đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn, đưa công nghiệp về nông thôn theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp-nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển công nghiệp lên các huyện phía Bắc. Nhằm gắn nông thôn với công nghiệp, ngành nghề nông thôn được chú trọng phát triển, công nghiệp chuyển về nông thôn tạo việc làm và thu nhập nông thôn. công nghiệp phát triển, tạo nên nhu cầu cao và thị trường ổn định cho nông nghiệp. Nhu cầu tiêu thụ các hàng hóa nông sản

ngày càng lớn, tạo được đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, từ đó tăng thu nhập cho nông dân.

3.2- Công nghiệp chế biến nông sản

Ngành công nghiệp Bình Dương phát triển, trong đó có sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy ngành nông nghiệp Bình Dương phát triển, các nguồn nguyên liệu của địa phương như cao su, hạt điều, trái cây.. tiêu thụ sản phẩm ngành nông nghiệp hình thành hệ thống nhà máy chế biến nông sản ở nông thôn, giải quyết thêm việc làm cho hàng ngàn lao động nông thôn và tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu kinh tế nông nghiệp-nông thôn. Thêm nữa, dịch vụ thu mua nông sản gắn kết với những địa phương trong vùng, đưa Bình Dương trở thành đầu mối thu mua nông sản quan trọng của cả vùng Đông Nam bộ. Người nông dân do sống giữa trung tâm văn hoá nên áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp khá dễ dàng. Đặc biệt, với sự tham gia của các doanh nghiệp vào ngành nông nghiệp đã thúc đẩy ngành này chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá.

4 - Hình thành và phát triển vững chắc, đa dạng kinh tế trang trại

Mô hình kinh tế trang trại đang được xem là nhân tố mới, sức bật mới trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế trang trại là đội quân tiên phong cùng với hộ nông dân chăm chỉ cần mẫn đang xung kích trên mặt trận làm cho “dân giàu nước mạnh” theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Họ là những người khai phá con đường làm giàu cho nông thôn. Phát triển kinh tế trang trại là hướng đi đúng, hợp qui luật, thúc đẩy khai thác tiềm năng, phát huy nội lực để phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa; góp phần tạo ra nền sản xuất hàng hóa qui mô lớn; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế

biên, gắn phát triển công nghiệp với nông nghiệp, gắn thị trường trong nước và thị trường thế giới. Phát triển kinh tế trang trại đúng sẽ góp phần khai thác có hiệu quả phát triển cây công nghiệp lâu năm của tỉnh; cải thiện đời sống nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Kinh tế trang trại ở Bình Dương đã góp phần lớn trong việc khai thác một cách tốt nhất những tiềm năng thế mạnh của tỉnh về đất đai, lao động, vốn, kỹ thuật vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội; tác động thay đổi cơ cấu kinh tế ngành và cơ cấu kinh tế vùng, góp phần phá bỏ thế độc canh và sản xuất tự cung tự cấp, kích thích nền kinh tế hàng hóa hoạt động, tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Là động lực thúc đẩy cho việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã; làm thay đổi cách quản lý theo kiểu cũ, tổ chức các hình thức hợp tác liên doanh hẹp trong thân tộc, thay đổi một số tập quán canh tác lạc hậu khá hiệu quả; tác động tích cực về mặt xã hội: thu hút và điều tiết lao động nông nghiệp trong vùng, giải quyết công ăn việc làm cho 22.216 lao động, góp phần làm giảm sức ép dân số cho các vùng đô thị, tạo thu nhập cho nhiều hộ nông dân nghèo, tạo nên nhiều tiền đề vững chắc để phát triển xã hội nông thôn ở tỉnh.

5- Đời sống nông dân, nông thôn thay đổi theo hướng ngày càng no ấm văn minh.

Để phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong suốt 11 năm qua (1997 - 2007), kết cấu hạ tầng ở nông thôn Bình Dương luôn được Tỉnh ủy và UBND quan tâm đầu tư, xây dựng và phát triển. Ngay sau khi vừa tái lập tỉnh, Đảng bộ đã quyết tâm tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, bảo đảm sự phát triển toàn diện và bền vững, nâng cao tích lũy từ nội bộ

nền kinh tế, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân... trong đó ưu tiên cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Các phong trào nông dân tham gia làm *giao thông* phát triển mạnh mẽ. Nhân dân nhiệt tình ủng hộ chủ trương “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Tỉnh đã tập trung đầu tư vốn, nâng cấp, mở rộng và làm mới hệ thống giao thông trên địa bàn Tỉnh, góp phần phục vụ đắc lực tiến trình CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn. Các công trình tiêu biểu như: Đại lộ Bình Dương; ĐT741; ĐT 742; ĐT743; ĐT745 ; ĐT746; ĐT747, các tuyến đường trong nội ô thị xã, thị trấn được nâng cấp bê tông nhựa, hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, vỉa hè, chiếu sáng, cây xanh. Ở các xã có 100% đường ô tô đến trung tâm hành chính xã. Phong trào giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị ngày càng phát triển, điều này tạo một bước chuyển đáng kể bộ mặt nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh giao thông nông thôn phát triển mạnh, nông thôn Bình Dương có điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng các khu dân cư mới. Hệ thống đường bộ nối liền các huyện với nhau, ở các huyện đã có đường về trung tâm các xã, đường liên xóm, liên ấp... góp phần phục vụ tốt cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố trận tuyến an ninh quốc phòng.

Về xây dựng lưới điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho dân cư. Mạng lưới điện quốc gia được đưa về nông thôn, đã tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển, bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn Bình Dương ngày càng khởi sắc. Từ ngày 2-9-1997 ngành Điện lực Bình Dương hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng là kéo đường dây tải lưới điện quốc gia đến trung tâm 79 xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Đây là một bước ngoặt để ngành điện lực tỉnh thực hiện chương trình điện khí hoá.. Ngoài ra ngành Điện lực Bình

Dương còn nhận điện lực từ các tỉnh bạn khoảng 50MVA nâng công suất của toàn tỉnh lên 275MVA. Ngành quản lý 1579 km đường dây trung thế có cấp điện áp 15-22 KV 3.834 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 793.292 KVA. 1.008km đường dây hạ thế, phủ điện khắp 7 huyện thị của tỉnh.

Về y tế: Sự nghiệp y tế ở khu vực nông thôn *Bình Dương* cũng không ngừng phát triển. Năm 1997 toàn tỉnh chỉ có 92 cơ sở y tế; trong đó có 77 trạm y tế xã, phường số giường bệnh và cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu thốn, trình độ của đội ngũ cán bộ y tế chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh trong nhân dân. Đến năm 2007, toàn tỉnh có 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế và có 81/89 trạm y tế có bác sĩ. Tỷ lệ trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia là 76/89; có 80/89 trạm y tế có cán bộ hoạt động y học cổ truyền. Những thành tựu đạt được ở trên góp phần rất quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Về văn hóa - giáo dục: Do được sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền, cơ sở vật chất, trường học, lớp học, số học sinh đều tăng, góp phần tạo ra bước chuyển biến quan trọng trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục. Đến năm 2007, toàn tỉnh có 360 đơn vị, trường học bao gồm 137 trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ (trong đó có 39 trường ngoài công lập, 131 trường tiểu học (có 1 trường ngoài công lập), 51 trường THCS, 26 trường THPT (trong đó có 12 trường có cấp THCS), một trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 7 trung tâm Giáo dục thường xuyên - kỹ thuật hướng nghiệp huyện, thị xã. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề có nhiều chuyển biến tích cực, hiện có 3 trường và phân hiệu Đại học đóng trên địa bàn, 7 trường Cao đẳng, 7 trường trung cấp chuyên nghiệp và 30 cơ sở đào tạo nghề. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có 32 cơ sở và trung tâm ngoại ngữ tin học đang hoạt động tương đối có hiệu quả; 62 trung tâm học tập

cộng đồng. Đến nay, hệ thống trường lớp của tỉnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân địa phương.

Những kết quả về kinh tế xã hội trong 11 năm qua đã góp phần ổn định đời sống các tầng lớp dân cư. Từ ngày tái lập tỉnh đến 2007 đời sống của nông dân Bình Dương đã được cải thiện một bước. Nhìn chung mức sống của người nông dân tăng lên rõ rệt. Thu nhập kinh tế tăng nên họ cũng quan tâm hơn đến chất lượng cuộc sống. Cơ cấu bữa ăn của hộ gia đình nông thôn đã có thay đổi. Lượng lương thực giảm, các loại thực phẩm thịt, cá, ... đều tăng.

Chương trình việc làm-xóa đói giảm nghèo tiếp tục được các ngành, các cấp và xã hội quan tâm, với nhiều dự án thiết thực như: Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã đào tạo nghề cho 1.046 lao động; đầu tư 610 triệu đồng thực hiện 136 mô hình trình diễn cây trồng vật nuôi, 112 lớp tập huấn khuyến nông và bảo vệ thực vật tại các xã nghèo để giúp nông dân có phương thức sản xuất hiệu quả; giải quyết cho 9.962 lượt hộ nghèo được vay vốn xóa đói giảm nghèo với tổng vốn trên 87 tỷ đồng; đã trao tặng 440 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo với tổng giá trị 6 tỷ đồng... Qua các hoạt động trên đã giúp cho các hộ nghèo đầu tư phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống kinh tế khu vực nông thôn; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo (*Theo tiêu chí của tỉnh*) đến cuối năm còn 2,5% (giảm 3% so với đầu năm 2006).

Kết hợp chương trình giải quyết việc làm với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hàng năm tỉnh đã giải quyết việc làm cho 46.722 lao động, trong các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ khác ở nông thôn.

Qua phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở *Bình Dương* cho thấy, do chủ động chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào phát triển sản xuất nông nghiệp, đã tạo nên sự phát triển về kinh tế nông nghiệp, theo hướng tăng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp để vừa tạo thêm thu nhập cho người nông dân, vừa giải quyết việc làm cho người lao động.

- ***Nguyên nhân chính của những thành tựu:***

- ❖ ***Nguyên nhân chủ quan:***

- Có đường lối đúng đắn của Đảng, được sự chỉ đạo sát sao và sự quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng, Chính phủ và các cấp, các ngành, Đảng bộ *Bình Dương* đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân *Bình Dương* nói chung và nông dân *Bình Dương* nói riêng thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Dựa trên sự vận dụng tổng hợp các yếu tố nhưng quy tụ lớn nhất vẫn là : Ý Đảng, lòng dân phải được hiểu sâu sắc và vận dụng, thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc một cách linh hoạt.

- Vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội lần VIII, IX, X của Đảng, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VI; VII; VIII vào thực tiễn phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn trong thời kỳ mới.

- Đảng bộ *Bình Dương* đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, nhạy bén trong vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn địa phương, luôn tìm biện pháp phát huy có hiệu quả các nguồn lực tại chỗ và thu hút từ bên ngoài, không trông chờ và ỷ lại vào Trung ương, đoàn kết nhất trí trong nội bộ, dám nghĩ, dám làm, các vị lãnh đạo của tỉnh có tầm

nhìn xa, mạnh dạn đột phá. Ngay từ những năm đầu phát triển, tỉnh đã có chủ trương “Trái chiều hoa mời gọi đầu tư”, chủ trương này trên thực tế đã được các ngành, các cấp thực hiện rất tốt, đem lại những thành tựu to lớn cho kinh tế của tỉnh, đồng thời góp phần quan trọng giải quyết được nhiều vấn đề xã hội. Đảng bộ *Bình Dương* đã biết tận dụng, phát huy những kinh nghiệm và những thành tựu đạt được trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Sông Bé cũ. Đảng bộ đã huy động được mọi nguồn lực của địa phương về cả nhân lực, vật lực, tài lực, sức mạnh của nhân dân để tổ chức, thực hiện tốt công tác phát triển nông nghiệp, xây dựng kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống của nhân dân.

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, vai trò của Hội nông dân luôn được củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Hội còn chú ý phối hợp với Trung tâm khuyến nông, ngành nông nghiệp tổ chức tập huấn kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm canh tác, giúp người dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, nâng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác; ngoài ra Hội còn phối hợp với ngân hàng và ngành Lao động- Thương binh và xã hội tạo vốn cho người dân vay để phát triển sản xuất.

- Điều vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển nhanh về kinh tế - xã hội là Đảng bộ *Bình Dương* đã sớm xác định cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng, từng khu vực trong tỉnh, mạnh dạn đầu tư vốn chuyển dịch cơ cấu sản xuất, quyết tâm đưa ngành chăn nuôi công nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế mới phù hợp với quy luật kinh tế thị trường; năng động trong việc đổi mới tổ chức và phong cách lãnh đạo, tạo nguồn sức mạnh mới cho Đảng bộ.

- Người Bình Dương luôn biết nắm lấy cái mạnh của chính mình, biết tận dụng cơ hội để tồn tại và phát triển. Trong chặng đường hình thành, người Bình Dương đã tự khẳng định mình bằng cách phát triển ngành nghề và những cây trồng đặc sản. Trong kháng chiến người Bình Dương biết dựa vào địa hình hiểm trở, dựa vào sức mạnh của lòng yêu nước, yêu quê hương của các cư dân để chiến đấu và chiến thắng quân thù. Khi hoà bình người Bình Dương biết thoát khỏi chế độ độc canh trong sản xuất cây lương thực để đi vào sản xuất cây công nghiệp, cây nông sản và phát triển mạnh ngành nghề truyền thống. Khi đất nước vào thời kỳ đổi mới, người Bình Dương đã năng động nắm bắt thời cơ mới, tạo ra những chuyển biến nhanh chóng trong lĩnh vực kinh tế để hoà nhập vào khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, có thể nói truyền thống Bình Dương là truyền thống chịu khó, năng động, luôn học hỏi kinh nghiệm, biết nắm lợi thế, tranh thủ thời cơ để khai thác chính thế mạnh của đất đai, tài nguyên và con người để phát triển.

❖ *Nguyên nhân khách quan*

- Bình Dương là một tỉnh thuộc tứ giác động lực kinh tế, tiếp giáp với tỉnh Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh - những thị trường lớn, những trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật, do đó Bình Dương có những thuận lợi:

- ✓ Nằm trong vùng hấp dẫn của các nhà đầu tư
- ✓ Tiếp cận nhanh chóng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, có điều kiện đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, nông thôn
- ✓ Có thuận lợi lớn về tiêu thụ nông sản
- ✓ Tận dụng năng lực của công nghiệp chế biến

- Bình Dương có khí hậu và thổ nhưỡng rất phù hợp với nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, có thể phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản

- Bình Dương là vùng hội tụ của nhiều người từ nơi khác đến, do đó Bình Dương không chỉ là nơi hội tụ kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trong cả nước, mà còn là nơi hội tụ ý chí lập nghiệp, làm giàu của nhiều người, từ nhiều vùng trong cả nước. Đây là một thuận lợi không phải tỉnh nào cũng có.

- Sản xuất công nghiệp Bình Dương đã tạo bước phát triển đột phá, luôn giữ mức tăng trưởng bình quân cao, là ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, làm động lực thúc đẩy phát triển các ngành khác, trong đó sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến và trở thành động lực thúc đẩy ngành nông nghiệp Bình Dương phát triển.

- Các vùng nông nghiệp của Bình Dương có vị trí rất thuận lợi, kết cấu địa tầng phù hợp với phát triển giao thông, công nghiệp chế biến tại chỗ. Đó là thuận lợi không nhỏ so với các tỉnh khác.

B. Những hạn chế chính

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp mặt dù đã có những chuyển biến tích cực trong những năm gần đây nhưng chăn nuôi vẫn còn chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp; chưa có các chính sách khuyến khích phát triển cây, con theo các quy hoạch đã được phê duyệt nên việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nhiều nơi vẫn còn mang tính tự phát, làm theo phong trào đã dẫn đến hiệu quả kinh tế chưa cao (*như: vùng trồng cây tiêu ở xã An Bình huyện Phú Giáo thường bị thiếu nước tưới vào mùa khô, trồng cây ăn trái ở một số vùng đất nông ven sông Sài Gòn dễ bị ngập úng vào mùa mưa hoặc trồng trên vùng đồi gò thiếu nước tưới vào mùa khô...*).

- Trình độ công nghệ trong sản xuất vẫn còn thấp, chất lượng nông sản chưa đồng đều; chưa đáp ứng được yêu cầu là nền sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng cao. Các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chưa được tổng kết, đánh giá để đưa ra được các mô hình mẫu để nhân rộng trong sản xuất.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn trong những năm gần đây đã được tăng cường đầu tư, tuy nhiên vẫn còn yếu: chưa hình thành được các khu nông nghiệp để tạo điều kiện áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất; hệ thống đường nội đồng một số nơi vẫn còn thiếu...

- Đời sống vật chất tinh thần của dân cư nông thôn ở nhiều vùng còn khó khăn; chất lượng nguồn lao động thấp. Mức hưởng thụ văn hóa của dân cư vùng nông thôn còn thấp chưa tương xứng với tốc độ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn; nhiều xã đến nay vẫn chưa đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa; một số công trình văn hóa vẫn chưa sử dụng tốt.

- Hiện tượng nông dân bỏ ruộng đất hoang còn diễn ra, do hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp, do phải chi phí đầu vào lớn; nông dân không thiết tha với ruộng đồng do chuyển sang ngành, nghề khác có thu nhập cao hơn. Một số hộ dân bỏ hoang ruộng để chạy theo lợi nhuận, có tâm lý chờ đợi các doanh nghiệp về mua đất hoặc thuê để hưởng tiền đền bù, trợ giúp... ở những vùng nằm trong dự án quy hoạch

Chất thải từ các khu công nghiệp chưa được xử lý triệt để, xả trực tiếp ra quanh vùng gây ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng và sức khỏe nhân dân.

- Mặc dù ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã khuyến cáo nông dân thực hiện đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. Song do việc kết hợp giữa “4 nhà” (nhà nông - nhà doanh nghiệp (cả ngân hàng) - nhà nước và nhà khoa học)

trong sản xuất kinh doanh chưa tốt, nên thị trường đầu ra, đầu vào của sản phẩm chưa ổn định .

- Năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản của tỉnh trong thời gian qua có tăng, nhưng so với các tỉnh lân cận và khu vực thì vẫn còn thấp; vấn đề xây dựng thương hiệu cho nông sản phẩm chưa được chú trọng nên khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu kém.

- Do tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị trên địa bàn tỉnh diễn ra nhanh, đã phá vỡ các quy hoạch của ngành, làm cho các doanh nghiệp chưa an tâm đầu tư phát triển sản xuất (một số cơ sở chăn nuôi phải di dời); do tác động của giá tiêu thụ nên một số loại cây trồng phát triển chưa phù hợp với quy hoạch như: diện tích cao su tiếp tục phát triển ở những vùng đất nông không thích hợp cho các loại cây trồng cạn. [99.tr10]

- Công tác quản lý, tổ chức và kinh nghiệm kinh doanh của nông dân, trang trại cán bộ các hợp tác xã nông nghiệp và tổ hợp tác còn hạn chế, khả năng tiếp thị yếu. Các hộ nhỏ lẻ còn chậm trong tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, giá lao động trên địa bàn tỉnh cao nên giá thành sản phẩm sản xuất ra cao.

- Lực lượng lao động nông thôn đông, giá rẻ nhưng chất lượng chưa cao, nhất là về tay nghề, khả năng quản lý, tác phong công nghiệp. Vì vậy với nhiều doanh nghiệp, đầu tư vào nông thôn vẫn là nơi lợi nhuận thấp mà rủi ro cao. Vì thế, thời gian qua tuy có nhiều chủ trương, định hướng về nông thôn nhưng phát triển nông nghiệp nông thôn chưa được như ý muốn.

- Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực ngành đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức tuyên truyền, kiểm tra giám sát. Tuy nhiên, vẫn chưa thực sự hiệu quả do chưa xây dựng các qui trình, thủ tục quản lý, công nhận sản

phẩm an toàn. Nhất là việc triển khai thực hiện quyết định 04/2007/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn nhiều vướng mắc. [99.tr11]

- Hầu hết các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (nhất là các mô hình nông nghiệp công nghệ cao) việc triển khai còn chậm, đến cuối năm 2007 vẫn chưa có dự án nào được phê duyệt. [99.tr11]

- Giá cả biến động có xu hướng bất lợi cho người nông dân, giá đầu vào sản xuất nông nghiệp không giảm hoặc tăng nhanh, trong khi giá nông sản tăng ít, không tăng, mà còn giảm mạnh. Mặt khác nông sản thất thường làm tổn hại nghiêm trọng đến việc duy trì tính bền vững của phương hướng sản xuất.

- Tính thích ứng trong cơ chế thị trường của nông dân ở Bình Dương chưa cao, do phần lớn đất đai ở đây chỉ thích hợp với trồng cây lâu năm. Gặp khi giá cả thất thường, người nông dân do chạy theo lợi nhuận có thể chặt phá vườn cây trước nguy cơ thua lỗ. Việc trồng mới sẽ kéo theo thời gian kiến thiết cơ bản, nhiều năm không có thu nhập. Do đó tình trạng trồng, chặt... có thể dẫn đến tình trạng phá sản, về mặt này Bình Dương rất bất lợi so với những vùng trồng cây hàng năm.

- Rau quả tươi là thế mạnh của ngành nông nghiệp nước ta nói chung và của *Bình Dương* nói riêng. Nhưng cũng do không có thị trường tiêu thụ ổn định và tác động của việc đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang công nghiệp làm cho diện tích cây ăn quả cũng bị thu hẹp dần. Nhược điểm lớn nhất trong sản xuất rau quả là phân tán, tự phát, sản xuất theo quy mô hộ gia đình nông dân, với phương thức tự cấp, tự túc, thị trường tiêu thụ chủ yếu vẫn là chợ nông thôn và thành thị... Điều quan trọng là nhiều nơi nông dân chưa chú ý sản xuất hàng hóa, vẫn còn theo tập quán cũ, chưa tích cực đổi mới cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Ngành nghề nông thôn phát triển chưa toàn diện: quy mô, năng lực sản xuất còn nhỏ, phân tán, áp dụng cơ khí hoá, điện khí hoá chưa cao do đó mức độ rủi ro và tổn thất sau thu hoạch còn cao, sản xuất còn mang tính tự phát, phân tán; dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn chậm phát triển.

- Vận dụng khoa học và công nghệ trong nông, lâm nghiệp chậm. Công tác nghiên cứu chuyển giao khoa học kỹ thuật tuy có đóng góp không nhỏ cho sản xuất nhưng còn nhiều bất cập. Hệ thống quản lý thủy nông, thú y, bảo vệ thực vật, giống cây trồng vật nuôi, vật tư nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Nông dân còn phải tự đối phó với rủi ro, gánh chịu nhiều chi phí làm tăng giá thành sản xuất. Thông tin và công nghệ thông tin chưa được chú trọng như một nguồn lực của sự phát triển.

- Các thành phần kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển: Kinh tế tập thể chưa thể hiện hết vai trò là đầu mối cung cấp các yếu tố đầu vào và đầu ra cho sản xuất của các thành viên, kinh tế trang trại chỉ mới phát triển về số lượng và chưa chú trọng đầu tư theo chiều sâu. Kinh tế hộ vẫn còn thụ động, tuổi lao động bình quân cao, các doanh nghiệp chế biến chưa chú trọng phối hợp, liên kết xây dựng vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất... Chưa có hiệp hội đầu tư của ngành nông nghiệp, năng lực nội tại ở hầu hết các HTX còn rất yếu kém, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo, trình độ công nghệ lạc hậu, sản xuất thủ công là chính, thiếu vốn. Tài sản chung của HTX chưa được xác lập hoặc công nhận nên chưa vay được các nguồn vốn tín dụng. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ còn thấp, một số HTX hoạt động không hiệu quả phải giải thể hoặc hoạt động cầm chừng (HTX Tân Trường hoạt động một thời gian rồi suy yếu). Kinh tế tập thể hiệu quả chưa cao, chưa thực sự trở thành nền tảng cho sự phát triển kinh tế

nông nghiệp, nông thôn; chưa có sự liên kết, liên doanh giữa doanh nghiệp và hộ nông dân. Kinh tế tư nhân phát triển tự phát, năng lực còn nhiều hạn chế.

- Phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế chưa gắn chặt với bảo vệ tài nguyên và môi trường. Khả năng phòng chống, giảm nhẹ thiên tai còn hạn chế, môi trường tiếp tục xấu đi, môi trường nông thôn bị suy thoái, tình trạng ô nhiễm còn xảy ra ở nhiều nơi, tình trạng xói lở đất, ô nhiễm nguồn nước do nước thải công nghiệp vẫn còn diễn ra khá nghiêm trọng, đe dọa tính bền vững của nền kinh tế.

- ***Nguyên nhân của những hạn chế.***

- ❖ ***Nguyên nhân khách quan***

- Khi cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì tỉnh Bình Dương vừa được tái lập. Do đó Bình Dương vừa phải hoàn thiện các tiền đề cho Công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vừa phải đẩy mạnh Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn tại địa phương.

- Nhìn tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Bình Dương có điểm xuất phát thấp, sản xuất nhỏ, trình độ canh tác lạc hậu; cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng nông thôn còn thấp kém. Trình độ kiến thức sản xuất hàng hóa của đại bộ phận nông dân còn có khoảng cách xa, so với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá .

- Sản xuất nông sản của Tỉnh vẫn chủ yếu theo qui mô hộ gia đình, phân tán, kỹ thuật sản xuất còn lạc hậu nên việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới là rất khó khăn. Những khó khăn đó đã và đang hạn chế xu hướng chuyển sản xuất nông nghiệp lạc hậu sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xuất khẩu

- Thị trường thế giới có nhiều biến động bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Trong quá trình từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng luôn chịu tác động của thị trường và giá cả của thế giới, của khu vực.

❖ Nguyên nhân chủ quan

- Việc quán triệt đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, chủ trương của Đảng bộ tỉnh còn chưa thật sự sâu sắc trong cán bộ, đảng viên, làm cho việc tổ chức thực hiện cụ thể còn nhiều mặt hạn chế, thậm chí có nơi còn sai sót. Việc chỉ đạo, điều hành thiếu tập trung, đồng bộ chưa tạo được sự thống nhất cao.

- Công tác quy hoạch, kế hoạch chậm, được điều chỉnh phù hợp với cơ chế thị trường, chưa nhìn đúng và giải quyết kịp thời những mối quan hệ trong các mặt kinh tế, giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh.

- Do chạy theo thành tích đôi khi có cấp Lãnh đạo còn coi nhẹ sản xuất nông nghiệp, quá chú trọng vào sản xuất công nghiệp là vì sản xuất công nghiệp sẽ làm cho sự tăng trưởng GDP của tỉnh được... đẹp hơn, thu ngân sách nhiều hơn.

- Còn người nông dân vì chạy theo lợi nhuận hàng chục năm qua, bài toán trồng - chặt cứ luân quần với nông dân nay trồng cây này, mai lại trồng cây khác điều này cũng phá vỡ quy hoạch chung của tỉnh.

C. Một số kinh nghiệm lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn của Bình Dương (1997-2007)

Qua 11 năm (1997 - 2007) thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, mặc dù còn một số hạn chế, nhưng Đảng bộ và nông dân

Bình Dương đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần ổn định tình hình

kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết cho việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn, Đảng bộ và nhân dân Bình Dương đã rút ra những kinh nghiệm sau:

Một là, Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tế của tỉnh Bình Dương để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Nông nghiệp có vị trí to lớn trong nền kinh tế quốc dân ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nó là ngành sản xuất ra tư liệu sản xuất và lương thực, thực phẩm thiết yếu cho con người mà không một ngành sản xuất vật chất nào có thể thay thế được. Ở nước ta, nông nghiệp lại càng có vị trí quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của nền kinh tế và ổn định tình hình chính trị - xã hội của đất nước. Vì vậy, ông cha ta cũng đã từng tổng kết “phi nông bất ổn”.

Trong quá trình lãnh đạo, xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng ta luôn luôn đặt nông nghiệp ở vị trí quan trọng trong các ngành kinh tế của đất nước. Đại hội V của Đảng đã xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Đại hội VI tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu của nông nghiệp, tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế, trong đó quan trọng nhất là chương trình sản xuất lương thực - thực phẩm. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta chủ trương: “*phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội*” [37, tr.63]. Tiếp tục kiên trì sự nghiệp đổi mới, Đại hội VIII của Đảng chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH, trong

đó trọng tâm là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Bước sang thế kỷ XXI, với những thành tựu to lớn mà ta đã giành được trong lĩnh vực nông nghiệp, Đại hội IX, X của Đảng khẳng định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta 10 năm (2001 - 2010) là phải đẩy nhanh CNH, HĐH đất nước, trong đó CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH đất nước.

Từ định hướng trên, Đảng và Chính phủ đã có những quyết định đúng đắn về đổi mới cơ chế quản lý, chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp... Có thể nói một trong những bước đột phá của công cuộc đổi mới là đột phá trong nông nghiệp, hướng tập trung chủ yếu là giải phóng mọi năng lực sản xuất mà “chìa khóa” là khuyến khích lợi ích chính đáng của người lao động. Bắt đầu từ “khoán 100” năm 1981, “khoán 10” năm 1988, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) năm 1993, Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VIII) năm 1998 đến Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) năm 2002... là cả một quá trình Đảng ta tổng kết từ thực tiễn những sáng tạo của quần chúng để xác định đường lối và từng bước hoàn thiện đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn, cơ chế quản lý nông nghiệp, trong đó lợi ích cá nhân người lao động luôn được xem trọng. Đó là một trong những nguyên nhân để nông nghiệp nước ta đạt được những thành tựu quan trọng.

Đảng bộ và chính quyền Bình Dương đã vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, tập trung vào các khâu then chốt sau:

Tập trung thực hiện, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thực hiện chuyển diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây công nghiệp (chủ yếu là cây cao su), thực hiện đa dạng cây trồng, vật nuôi ... Vì vậy nông - lâm - thủy sản - Bình

Dương đã đạt được những kết quả toàn diện. Cơ cấu kinh tế nông thôn có những biến đổi quan trọng, trong đó chăn nuôi, trồng cây công nghiệp tăng nhanh. Đây là kết quả rất quan trọng, là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của vùng nông thôn nói riêng. Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã vận dụng một cách chủ động, sáng tạo chủ trương của Đảng về đổi mới nông nghiệp vào tình hình thực tế của Bình Dương, khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh để phát triển nông nghiệp. Đồng thời đã đặt nông nghiệp trong việc giải quyết tổng thể vấn đề nông dân và nông thôn; phát triển nông nghiệp đi liền với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và chăm lo giải quyết tâm tư, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nông dân.

Trong quá trình sản xuất, Đảng bộ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các cơ quan chức năng tìm mọi cách góp phần tăng năng suất cây trồng vật nuôi, xây dựng cơ cấu giống hợp lý, phù hợp với từng loại đất, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong canh tác, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, cơ giới hoá các khâu trong quy trình sản xuất.

Tỉnh có chủ trương, giải pháp đúng đắn, phù hợp với từng địa phương, khuyến khích nông dân tích cực sản xuất, khai thác triệt để nguồn đất hiện có, áp dụng chính sách miễn thuế nông nghiệp ở những vùng mới khai hoang, có chính sách vay vốn hợp lý để người dân yên tâm đầu tư sản xuất. Kết quả phát triển nông nghiệp của Bình Dương trong những năm 1997 - 2007 đã có tác dụng thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển khá, góp phần ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng. Kết quả trên đã khẳng định từ thực tiễn tính cách mạng và khoa học của chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn.

Hai là, Phát huy ý thức tự lực, tự cường, sáng tạo, huy động sức dân, dựa vào dân để tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Nông dân Việt Nam là động lực to lớn của xã hội. Cùng với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân là quân chủ lực của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá đúng vai trò của nông dân, của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Nói đến nông dân là phải nói đến vấn đề ruộng đất. Đó là lẽ sống của cả cuộc đời họ. Hiểu sâu sắc điều đó nên mỗi lần tiếp xúc với bà con nông dân, Hồ Chí Minh vẫn dành những lời xúc động nhất để nói về ruộng đất. Người nói: “Ruộng đất khôn lắm, nó cũng biết suy nghĩ đấy. Người chăm sóc nó chừng nào thì nó trả ơn cho người chừng ấy” [73, tr.196].

Nói đến sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp ở đây cần được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, người nông dân vừa là động lực, vừa là mục tiêu. Vì vậy, lãnh đạo nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn phải chú trọng lợi ích chính đáng của người nông dân.

Thực tiễn trong suốt quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ tỉnh Bình Dương luôn xuất phát từ thực tiễn, từ lợi ích của người nông dân, “lấy dân làm gốc” để vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng cho phù hợp với điều kiện của tỉnh. Khi một chủ trương chính sách đưa ra được nông dân hưởng ứng, hợp lòng dân là cơ sở thực tiễn để kiểm nghiệm tính đúng đắn của đường lối, lúc đó đường lối của Đảng mới trở thành hiện thực sinh động trong đời sống của hàng triệu nông dân.

Đường lối chính sách của Đảng muốn đi sâu, bám rễ trong nông dân thì đòi hỏi Tỉnh ủy, Đảng bộ các cấp phải tổ chức quán triệt, phát động nông dân

tiên hành phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH, hết sức chú ý đến xây dựng và tổng kết điển hình. Tin dân, dựa vào dân, phát huy ý thức tự lực, tự cường, giáo dục, tổ chức, hướng dẫn dân làm những điều có lợi cho dân, đó là quan điểm và cũng là kinh nghiệm trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Tỉnh Bình Dương được tái lập vào đầu năm 1997. Sự kiện này vừa là niềm vui vừa là nỗi lo của Đảng bộ và nhân dân Bình Dương. Vui vì từ nay tỉnh sẽ có điều kiện đầu tư và phát triển rộng đều các vùng trong tỉnh mà trước đây chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, nhưng nỗi lo lắng không nhỏ đó là xuất phát điểm của tỉnh khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH còn rất thấp, kết cấu hạ tầng, kinh tế- xã hội còn thiếu rất nhiều, mức thu nhập bình quân, thấp hơn so với các tỉnh trong khu vực.

Khó khăn không phải ít, nhưng với sự tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, dựa vào dân, Đảng bộ đã biết phát động phong trào toàn dân làm công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, làm giao thông, kéo điện về nông thôn... Có thể coi đây là một cuộc cách mạng mới ở nông thôn, cuộc cách mạng nhằm CNH, HĐH nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ấm no, hạnh phúc, văn minh. Với những chính sách hợp lý về giao quyền sử dụng đất, về chính sách thuế nông nghiệp, về vốn... đã thực sự phát huy ý thức tự lực, tự cường, khai thác triệt để sức lao động, trí tuệ, kinh nghiệm, nguồn vốn trong nông dân để phát triển trong nông nghiệp toàn diện; sử dụng sức lao động, trí tuệ và vốn đóng góp từ dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế ở nông thôn.

Ba là, Tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp là một trong những điều kiện rất cần thiết để phát triển nông nghiệp. Ngày xưa ông cha ta đã đúc kết những kinh

nghiệm trong sản xuất nông nghiệp là “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Những kinh nghiệm đó vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay, trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Dương cùng với Đảng bộ và chính quyền các cấp luôn tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, nguồn ngân sách của địa phương và nguồn đóng góp của nhân dân để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp và nông thôn : giao thông, thủy lợi, điện, đường, trường trạm, trại...

Mạng lưới điện cũng được tỉnh tập trung đầu tư, chương trình điện lưới quốc gia được đưa về phủ kín các vùng nông thôn của tỉnh, đây là một thành tựu lớn nó vừa có ý nghĩa về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Nó còn làm cho bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, 100% xã, phường, thị trấn có điện sử dụng, tạo điều kiện cho phát triển nông thôn, đời sống tinh thần của vùng sâu, vùng xa được cải thiện.

Văn hóa, giáo dục, y tế ở nông thôn Bình Dương không ngừng phát triển về cả quy mô và chất lượng. Trong những năm 1997 - 2007, nông thôn Bình Dương được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh đã cố gắng rất nhiều trong đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, góp phần rất lớn trong công tác chuyển dịch cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng nông sản. Đảng bộ tỉnh Bình Dương đã khơi dậy ý thức vượt khó của nông dân, tăng sức sản xuất trong nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Bốn là, Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở nông thôn để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Cuộc sống luôn luôn sôi động, biến đổi, hàng ngày, hàng giờ luôn đặt ra những yêu cầu mới trong đời sống xã hội cũng như trong phát triển sản xuất. Nắm bắt kịp thời các yêu cầu đó, đồng thời có ngay những biện pháp giải quyết kịp thời ở địa phương đó chính là các Đảng bộ, chi bộ ở cơ sở. Do vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không phải chỉ ở Trung ương, ở Tỉnh, ở huyện mà phải ngay từ ở cơ sở, từ xóm ấp, để cho mỗi tổ chức Đảng ở nông thôn nhận thức được rõ nhiệm vụ của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

PHẦN KẾT LUẬN

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, là một cực quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (khu vực kinh tế phát triển nhất và hiệu quả nhất của nước ta), nằm cạnh thành phố Hồ Chí Minh (một trung tâm kinh tế-công nghiệp-thương mại-dịch vụ- khoa học công nghệ; đầu mối giao thông và giao lưu kinh tế lớn nhất của cả nước. Bình Dương có điều kiện tự nhiên thuận lợi (vị trí địa lý, khí hậu, sông ngòi) dồi dào và phong phú (tài nguyên về đất , rừng, sông nước) và cả cơ sở xã hội (nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng...) đồng thời có giá thuê đất và lao động thấp. Từ khi thực hiện chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng (1986), tiếp theo đó là hình thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Với tam giác tăng trưởng này, Bình Dương có ảnh hưởng trực tiếp và mở ra nhiều cơ hội hơn, đó là từ khi Đảng, Nhà nước chủ trương “mở cửa”, Sông Bé đã lên tiếng “trái chiếu hoa” và thực hiện cơ chế một cửa để mời các doanh nghiệp tới đầu tư, đồng thời nhấn mạnh sẽ tiếp nhận bình đẳng mọi nguồn đầu tư thuộc tất cả các thành phần kinh tế, phấn đấu tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến Sông Bé. Hình ảnh của Bình Dương hôm nay về hợp tác đầu tư chính là thành quả của lời mời gọi đó...Quả thật, yếu tố chủ quan đóng vai trò rất quan trọng trong phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược của mỗi địa phương. Ở Bình Dương yếu tố đó cũng đồng nghĩa như “nhân hòa” để hợp với “thiên thời, địa lợi” góp phần làm cho Bình Dương “cát cánh”.

Ngoài yếu tố thiên thời - địa lợi, yếu tố nhân hòa cũng là lợi thế của Bình Dương. Phần lớn nhân dân Bình Dương rất đồng thuận và ủng hộ cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh nói chung và cho ngành nông nghiệp

nói riêng. Vì thế mà ngày nay, Bình Dương được mệnh danh là “mảnh đất lành” cho phát triển kinh tế, nơi hội tụ đủ ba yếu tố “Thiên thời, Địa lợi- Nhân hòa”.

Mười một năm đã đi qua một chặng đường quá ngắn so với lịch sử hình thành và phát triển của Bình Dương. Song với tinh thần năng động, sáng tạo, đoàn kết, hợp tác; toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Bình Dương đã vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, tận dụng và khai thác những thuận lợi về vị trí địa lý, tiềm năng lao động, đất đai...tiếp tục kế thừa, phát huy những thành quả của tỉnh Sông Bé trước đây để có được tỉnh Bình Dương hôm nay: Tỉnh liên tục đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đúng hướng, quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, nâng cấp, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế...được tăng cường. Tất cả, Bình Dương hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Tất nhiên Bình Dương cũng còn nhiều khó khăn, trở ngại; song, những gì đã có, sẽ là hành trang Bình Dương tự tin cùng cả nước, cả vùng bước vào thiên niên kỷ mới. Để có được một thành quả to lớn trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội của Bình Dương, trước hết phải kể đến sự đoàn kết thống nhất cao độ của nội bộ lãnh đạo Tỉnh mà không phải một sớm một chiều dễ dàng có được. Chính nhờ sự đoàn kết này đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, để từ đó tập trung sức lực và trí tuệ chỉ đạo công cuộc đổi mới đi đến thành công. Có thể khẳng định sự phát triển của Bình Dương trong những năm qua, chủ yếu không phải do cơ chế hay do Tỉnh có những chính sách riêng nào cả, mà do Tỉnh ngoài việc vận dụng, thực hiện đầy đủ và triệt để những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách năng động, còn có phần nhạy bén, sáng tạo, cụ thể hoá thêm cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Qua 11 năm (1997 - 2007), Bình Dương bắt tay vào thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, thuận lợi cũng có nhưng khó khăn cũng không ít. Song với lòng quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân Bình Dương, những năm qua trong lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp đã được những kết quả quan trọng. Nhưng cũng còn nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, tìm hướng giải quyết. Nhìn một cách tổng thể, quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới trong những năm qua chủ yếu tập trung vào những nội dung sau:

1. Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trước hết là giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của người nông dân và của cả vùng kinh tế nông thôn. Giải phóng sức sản xuất của người lao động gắn liền với lợi ích thiết thực của người nông dân. Đảng bộ tỉnh đã sớm thấy rõ lợi ích chính đáng của người nông dân chỉ được thực hiện và nâng cao khi sản xuất nông nghiệp phát triển. Đảng bộ tỉnh đã chủ trương, khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình thành đơn vị kinh tế tự chủ; các cấp các chính quyền, các cơ quan chức năng thực hiện tốt việc giao đất cho nông dân, giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghệ chế biến và các nghề tiểu thủ công nghiệp; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp trong mối quan hệ với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Phát triển tín dụng nông thôn, mở rộng việc cho nông dân nghèo vay vốn sản xuất kinh doanh, giúp đỡ cho nông dân tổ chức sản xuất và tham gia các hình thức kinh tế nông nghiệp, phát triển nhiều loại hình tổ chức sản xuất; cải tiến cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với nông dân, nông thôn, nông nghiệp nhằm tạo đà thúc đẩy quá trình đổi mới, định giá nông sản,

chính sách thuế, chính sách thị trường tiêu thụ sản phẩm... Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã chỉ đạo nông dân tích cực, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật đưa vào giống mới, cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, coi trọng công tác khuyến nông, đẩy mạnh hoạt động của các Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... Những địa phương nông dân có cuộc sống khá là do đã thực hiện tốt việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng.

2. Coi trọng các chính sách xã hội ở nông thôn vì trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo vẫn thường xuyên diễn ra. Do đó, trong sự lãnh đạo của các cấp, Đảng bộ Bình Dương đã quán triệt quan điểm của Trung ương là tăng trưởng kinh tế đi liền với bảo đảm các chính sách xã hội. Đảng bộ các cấp đã cố gắng khơi dậy, chú trọng tổng kết và duy trì các phong trào quần chúng rộng lớn như phong trào xóa đói, giảm nghèo xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách, hoạt động từ thiện... trong đó hoạt động của Hội nông dân, Hội phụ nữ các cấp có vai trò rất quan trọng ở nông thôn... Cùng với sự phát triển của tỉnh trong quá trình đô thị hóa, diện tích nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp nhưng giá trị sản lượng nông, lâm nghiệp, thủy sản ở Bình Dương vẫn tăng. Điều quan trọng hơn cả là cuộc sống ở nông thôn Bình Dương đã thực sự đổi mới. Mức sống của người nông dân được nâng dần lên về mọi mặt. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đang chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, phù hợp với quá trình CNH, HĐH nông thôn. Sự phát triển nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn về mọi mặt, trong đó trọng tâm là thực hiện các chính sách đối với con người cụ thể là người nông dân. Nông dân trong đường lối, chủ trương của Đảng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực trên con đường xây dựng CNXH.

3. Xóa bỏ cơ chế hành chính tập trung quan liêu bao cấp, xác lập cơ chế mới. Đây là một cuộc cách mạng làm thay đổi từ tư duy, nhận thức đến thực tiễn, hành động. Kinh tế thị trường với quy luật của nó chứa đựng cả những yếu tố tích cực và tiêu cực đã tác động sâu sắc đến người nông dân Bình Dương. Bên cạnh nhiều yếu tố tâm lý truyền thống tốt đẹp vẫn được giữ vững, người nông dân Bình Dương đã khắc phục được nhiều thói quen cũ lạc hậu để tự khẳng định mình, tự thích nghi với điều kiện kinh tế - xã hội mới. Người nông dân Bình Dương có ý thức hơn trong cuộc sống và làm việc theo pháp luật, đoàn kết gắn bó với nhau trong cộng đồng, thực hiện đúng các nghĩa vụ, bảo vệ quyền lợi của bản thân và xã hội. Người nông dân cũng có điều kiện để nâng cao về trình độ học vấn, tay nghề, chủ động tiếp xúc với khoa học và công nghệ mới. Tâm lý thụ động, ỷ lại, trông chờ dần bị xóa bỏ, thay vào đó là tâm lý, thói quen hành động năng động, tháo vát, dám cạnh tranh. Đây là những yếu tố tích cực tác động mạnh mẽ tới quá trình đổi mới.

Tuy nhiên trong xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn từ năm 1997 đến năm 2007, Bình Dương cũng còn nhiều mặt hạn chế, thể hiện ở chỗ: Tốc độ phát triển kinh tế chưa đều, chưa cân đối giữa các vùng, miền. Sản xuất còn phân tán. Khả năng cạnh tranh của một số nông sản phẩm thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn Bình Dương theo hướng hiện đại... Sở dĩ có những hạn chế trên là do: Trình độ quản lý của cán bộ còn yếu, cán bộ khoa học thiếu nhiều, nhận thức của đại bộ phận nông dân về sản xuất hàng hoá còn khoảng cách xa so với yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Bình Dương trong lãnh đạo CNH, HĐH nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong những năm 1997 - 2007 đã để lại

những kinh nghiệm quan trọng, góp phần thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Bình Dương nói riêng. Trong đó, quan trọng nhất là: Trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ phải chịu trách nhiệm trước những thành công và khuyết điểm trên các lĩnh vực nói chung và trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng, chịu trách nhiệm đối với đời sống của người nông dân. Đảng bộ đã tự chỉnh đốn về cả chính trị, tư tưởng và tổ chức, từng bước đáp ứng yêu cầu của cách mạng lãnh đạo xây dựng chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, coi chính quyền và các đoàn thể có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, vận động nông dân thực hiện đường lối phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong đó, điều không kém phần quan trọng là việc quan tâm đến xây dựng Hội nông dân, một tổ chức quần chúng rộng rãi, gần gũi, thiết thực nhất đối với người nông dân.

Dù còn một số hạn chế, nhưng những thành tựu phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Bình Dương trong 11 năm (1997 - 2007) là to lớn. Thành tựu đó khẳng định trong thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng bộ với tinh thần chủ động và sáng tạo; khẳng định tinh thần của nông dân Bình Dương một lòng, một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Đảng bộ, ra sức phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, tỉnh mạnh. Đây là những yếu tố cơ bản, rất quan trọng để nông nghiệp, nông thôn Bình Dương có những bước phát triển mới trong những năm tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban tư tưởng văn hóa Trung ương (2002), *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội.
2. Ban dân vận Trung ương (2000), *Một số vấn đề về công tác vận động nông dân ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương 1930-1975*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. PGS. Nguyễn Văn Bích - KS. Chu Quang Tiến (1996), *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, *Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn*, NXB Lao động xã hội.
6. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1990*.
7. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1991*.
8. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1992*.
9. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1993*.
10. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1994*.
11. Cục thống kê , tỉnh Sông Bé *Niên giám thống kê 1995*.
12. Cục thống kê tỉnh Sông Bé, *Niên giám thống kê 1996*.
13. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 1997*.

14. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 1998*.
15. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 1999*.
16. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2000*.
17. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2001*.
18. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2002*.
19. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2003*.
20. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2004*.
21. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2005*.
22. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2006*.
23. Cục thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê 2007 (T8-2008)*.
24. Nguyễn Tấn Dũng (20/3/2002), “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong tiến trình CNH, HĐH đất nước”, *Báo Nhân dân*, trang 2.
25. Chu Viết Luân (2003), *Bình Dương - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
26. PTS, TS Nguyễn Sinh Cúc (12/2004), “ *Bình Dương một mô hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài*” *Tạp chí Cộng sản* (23), tr 56 -60.
27. PGS, TS Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986-2002)*, NXB Thống kê, Hà Nội.
28. PTS, TS Nguyễn Sinh Cúc (2004), “Nông nghiệp Việt Nam nửa đầu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005”, *Tạp chí Cộng sản* (6), tr 15 -18.

29. TS Trần Văn Châu (2003), *Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (5/4/1988), *Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, NXB Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm (Khoa VII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khoa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khoa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1997), *Chỉ thị về một số công việc cấp bách ở nông thôn hiện nay*, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) (khoa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết 06/TQ - TW của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2/2001), *Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. *Đảng cộng sản Việt nam với công cuộc đổi mới đất nước* (2003), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
46. Đảng cộng sản Việt nam (2000). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa, nông nghiệp, nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. NguyễnThị Hằng (1997), *Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng bộ tỉnh Sông Bé (1986), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ IV*
50. Đảng bộ tỉnh Sông Bé (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ V*

51. Đảng bộ tỉnh Sông Bé (1991), *Báo cáo tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ V* (vòng 2)
52. Đảng bộ tỉnh Sông Bé (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ VI*
53. Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VI*
54. Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII*
55. Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VIII*
56. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (8/1996), *Nông thôn Việt Nam sau 10 năm đổi mới*, Thông tin chuyên đề.
57. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra*, Tư liệu chuyên đề.
58. Hội nông dân Việt Nam (1998), *Lịch sử phong trào nông dân và Hội nông dân*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Hà Hùng (2002), “*Tiếp tục thực hiện mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết đại hội IX*”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (11), tr.32-35.
60. PGS, TS. Lâm Quang Huyền (2002), *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
61. PGS, TS. Lâm Quang Huyền (2002), *Nông nghiệp, nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ XXI*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

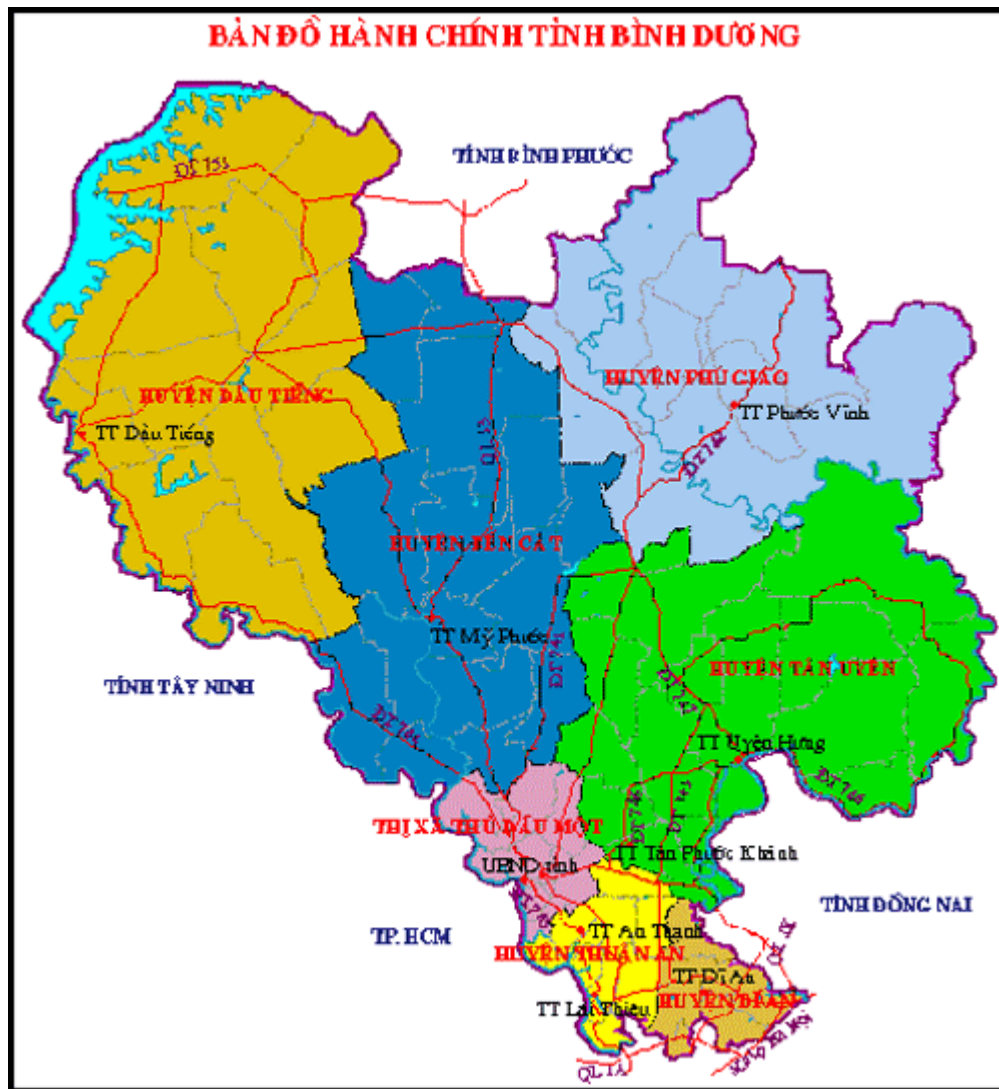
62. Nguyễn Hữu Khải (2003), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn Việt Nam và Chương trình đẩy mạnh xuất khẩu nông sản* (sách tham khảo), NXB Thống kê, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. *Một số vấn đề về công tác vận động nông dân ở nước ta hiện nay* (2000), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Ngô Anh Nga (2003), “*Cần có chính sách đồng bộ của nhà nước cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn*”, *Nông thôn mới*, (90), tr.5-6.
70. PGS.TS Ngô Đức Cát (2004) *Kinh tế trang trại với xóa đói giảm nghèo*.NXB Nông nghiệp. Hà Nội.
71. Nghị quyết số 09 của Chính phủ (15/6/2000), *Về một số chủ trương, chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*, Hà Nội.
72. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (24/11/2000), *về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn*, Hà Nội.
73. Lê Quốc Sử (2001), *Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển kinh tế của nông nghiệp Việt Nam theo hướng CNH - HĐH từ thế kỷ XX đến thế kỷ XXI trong “thời đại kinh tế tri thức”*, NXB Thống kê, TP.Hồ Chí Minh.

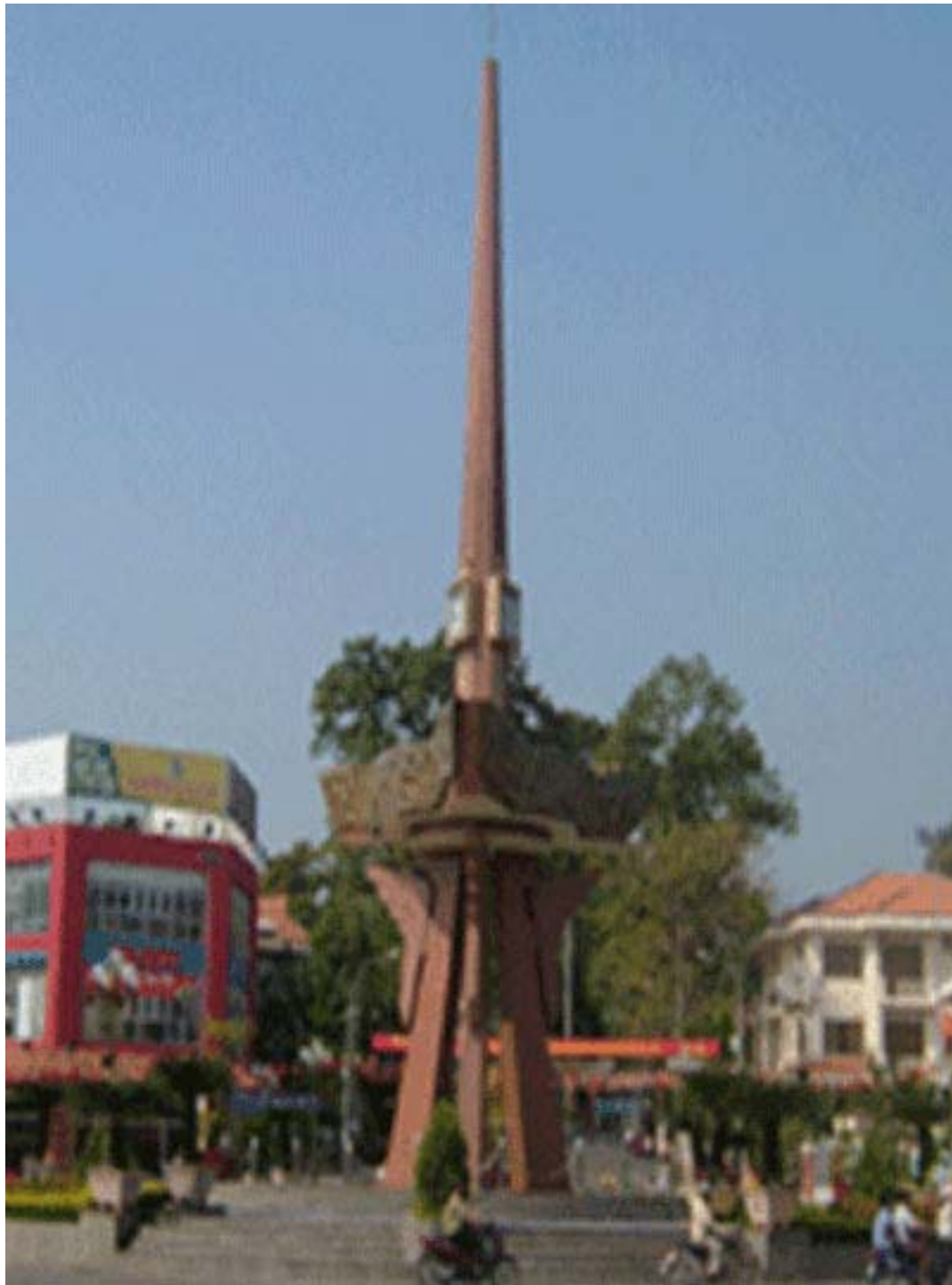
74. PGS, TS. Khoa học Lê Đình Thắng (chủ biên, 2002), *Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị* (Sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. UBND tỉnh Bình Dương, *Kinh tế trang trại tỉnh Bình Dương vai trò và tác động*
76. UBND tỉnh Bình Dương (1997), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1997 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1998*.
77. UBND tỉnh Bình Dương (1998), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1998 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1999*.
78. UBND tỉnh Bình Dương (1999), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2000*.
79. UBND tỉnh Bình Dương (2000), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2000 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001*.
80. UBND tỉnh Bình Dương (2001), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2001 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002*.
81. UBND tỉnh Bình Dương (2002), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2002 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003*.
82. UBND tỉnh Bình Dương (2003), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2003 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2004*.
83. UBND tỉnh Bình Dương (2004), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2004 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2005*.
84. UBND tỉnh Bình Dương (2005), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2005 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006*.

85. UBND tỉnh Bình Dương (2006), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2006 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007*.
86. UBND tỉnh Bình Dương (2007), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2007 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008*
87. Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Bình Dương (1999) *Thủ Dầu Một –Bình Dương Đất lành chim đậu*, NXB Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
88. Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Bình Dương (1998) *Kỷ yếu hội thảo khoa học; Thủ Dầu Một- Bình Dương 300 năm hình thành và phát triển*.
89. Sở Nông nghiệp & PTNT (1997), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 1997 và phương hướng nhiệm vụ năm 1998*
90. Sở Nông nghiệp & PTNT (1998), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 1998 và phương hướng nhiệm vụ năm 1999*
91. Sở Nông nghiệp & PTNT (1999), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 1999 và phương hướng nhiệm vụ năm 2000*
92. Sở Nông nghiệp & PTNT (2000), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2000 và phương hướng nhiệm vụ năm 2001*
93. Sở Nông nghiệp & PTNT (2001), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2001 và phương hướng nhiệm vụ năm 2002*
94. Sở Nông nghiệp & PTNT (2002), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2002 và phương hướng nhiệm vụ năm 2003*
95. Sở Nông nghiệp & PTNT (2003), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2003 và phương hướng nhiệm vụ năm 2004*
96. Sở Nông nghiệp & PTNT (2004), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm 2005*

97. Sở Nông nghiệp & PTNT (2005), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm 2006*
98. Sở Nông nghiệp & PTNT (2006), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm 2007*
99. Sở Nông nghiệp & PTNT (2007), *Báo cáo tình hình hoạt động ngành nông nghiệp-PTNT năm 2007 và phương hướng nhiệm vụ năm 2008.*
100. Trần Văn Lợi (2000), *Kinh tế trang trại tỉnh Bình Dương thực trạng và giải pháp phát triển*. Ban kinh tế Tỉnh Ủy tỉnh Bình Dương.
101. Trần Trác- Bùi Anh Vũ (2001) *Kinh tế trang trại với nông nghiệp nông thôn Nam bộ*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.
102. Tạp chí Lịch sử Đảng (2005) *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 20 năm đổi mới* (tr39 -43-66)
103. Tạp chí xưa và nay (1997), *Bình Dương một thế kỷ xưa* .
104. Thư Viện Tỉnh Bình Dương (1998), *Bình Dương -đất nước -con người*
105. Thư viện Tỉnh Bình Dương (2008), *Đất và người Bình Dương*.

PHỤ LỤC





Vòng xoay ngã 6 thị xã Thủ Dầu Một



Chăm sóc hoa kiểng một nghề mới có thu nhập cao



Chăm sóc vườn tiêu



Vườn cao su đang khai thác



Cánh đồng trồng rau màu



Chăm sóc rau xanh



Vùng bưởi Tân Uyên



Chăm sóc rau xanh



Chế biến hạt điều



Lao động nông thôn



Cơ sở sơ chế cao su



Nuôi cá lồng bè



Chăn nuôi bò sữa



Chăn nuôi công nghiệp tập trung



Mô hình chăn nuôi trang trại



Một trang trại nuôi heo công nghiệp



Tiêm phòng dịch bệnh trong chăn nuôi